**CỔNG TÍCH HỢP DỮ LIỆU KHÁM CHỮA BỆNH**

**BỘ Y TẾ**

**TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN**

**LIÊN THÔNG DỮ LIỆU**

**Mãdựán :PM2\_QLBV**

**Mãtàiliệu :HuongdanLienthongDL**

**Phiênbản :3.1**

**12/05/2016**

|  |  |
| --- | --- |
| Người viết:  Chức danh: Quản trị dự án | Ký tên |
| Người xem xét:  Chức danh: | Ký tên |
| Khách hàng:  Chức danh: | Ký tên |
| Ngày có hiệu lực: 25/04/2016 |  |

**HISTORY / LỊCH SỬ THAY ĐỔI**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **ID** | **Version**  **Phiên bản** | **Doer**  **Người thực hiện** | **Approver**  **Người phê duyệt** | **Date**  **Ngày hiệu lực** | **Content**  **Nội dung thay đổi** |
| 1 | V2.4 | Nguyễn Việt Trung |  |  |  |
| 2 | V2.5 | Nguyễn Việt Trung |  |  | Thêm cổng dịch vụ Kiểm tra lạm dụng thẻ |
| 3 | V2.6 | Nguyễn Việt Trung |  |  | **Thay đổi độ dài trường:**  MA\_BAC\_SI (20), SO\_DANG\_KY (20), MA\_KHOA (20),  TEN\_THUOC (255),  MA\_BENHKHAC (50),  MA\_LK (50),  MA\_PTTT\_QT (30),  MA\_THUOC (20),  MA\_BENH |
| 4 | V2.7 | Vương Văn Linh |  |  | **Thay đổi trường:**  SO\_LUONG: Số,  DON\_GIA: Số  **Thay đổi cấu hình FTP** |
| 5 | V2.8 | Nguyễn Việt Trung |  |  | **Thêm thẻ** <![CDATA[…]]>vào các thẻ sau:HO\_TEN, DIA\_CHI, TEN\_BENH, TEN\_THUOC, HAM\_LUONG, LIEU\_DUNG, TEN\_DICH\_VU , TEN\_CHI\_SO, GIA\_TRI, MO\_TA, KET\_LUAN, DIEN\_BIEN, HOI\_CHAN, PHAU\_THUAT, NGUOILIENHE, TENFILE.  **Đặc biệt lưu ý:**  Đối với các thẻ chứa dữ liệu loại chuỗi mà trong nội dung có ký tự đặc biệtnhư>,<./… Thì phải thêm thẻ CDATA bao ngoài toàn bộ nội dung. Vi dụ thẻ <MO\_TA>A>B</MO\_TA> sẽ phải chuyển thành: <MO\_TA><![CDATA[A>B]]></MO\_TA> |
| 6 | V2.9 | Nguyễn Việt Trung |  |  | **Thay đổi độ dài trường:**  KHAMDIEUTRITAI (255) |
| 7 | V3.0 | Nguyễn Việt Trung |  |  | **Thay đổi thẻ:**  Đối với thẻ <tonghop> thay đổi thành <TONG\_HOP>  **Thay đổi độ dài trường:**  Thay đổi độ dài các trường MA\_LK , STT, DIA\_CHI, MA\_BENHKHAC, MA\_PTTT\_QT, MA\_THUOC, SO\_DANG\_KY, MA\_BAC\_SI, MA\_BENH, MA\_VAT\_TU, MA\_CHI\_SO (Xem cụ thể bên dưới). |
| 8 | V3.1 | Nguyễn Việt Trung |  |  | **Bỏ ràng buộc bắt nhập các trường (Phục vụ liên thông dữ liệu hồ sơ bệnh nhân khám không bảo hiểm):**  MA\_THE, MA\_DKBD, GT\_THE\_TU, GT\_THE\_DEN, TU\_NGAY, DEN\_NGAY |

**HỖ TRỢ KỸ THUẬT**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **HỌ TÊN** | **EMAIL** | **SỐ MOBILE** | **SÔ MÁY BÀN** | **GHI CHÚ** |
| 1 | Nguyễn Công Thuận | thuannc@vnpt.vn | 0915043333 |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |

**CONTENTS/MỤC LỤC**

[1. MỤC TIÊU CỦA TÀI LIỆU 7](#_Toc448914040)

[1.1. Mục tiêu tổng quan 7](#_Toc448914041)

[1.2. Đối tượng người dùng của hệ thống 7](#_Toc448914042)

[2. MÔ HÌNH LIÊN THÔNG DỮ LIỆU 8](#_Toc448914043)

[2.1. Mô hình liên thông dữ liệu sử dụng FTP 8](#_Toc448914045)

[2.2. Mô hình liên thông dữ liệu sử dụng WebService 9](#_Toc448914046)

[2.3. Mô hình liên thông dữ liệu sử dụng Cổng thông tin Tích hợp 10](#_Toc448914047)

[3. MÔ HÌNH MÔ TẢ LIÊN THÔNG DỮ LIỆU 11](#_Toc448914048)

[3.1. Mô hình mô tả liên thông dữ liệu sử dụng FTP 11](#_Toc448914052)

[**3.1.1.** **Biểu đồ nghiệp vụ liên thông dữ liệu sử dụng FTP** 11](#_Toc448914056)

[**3.1.2.** **Các bước mô tả nghiệp vụ liên thông dữ liệu sử dụng FTP** 11](#_Toc448914057)

[3.2. Mô hình mô tả liên thông dữ liệu sử dụng Web Service 13](#_Toc448914058)

[**3.2.1.** **Biểu đồ nghiệp vụ liên thông dữ liệu sử dụng Web Service** 13](#_Toc448914063)

[**3.2.2.** **Các bước mô tả liên thông dữ liệu sử dụng Web Service** 13](#_Toc448914064)

[3.3. Mô hình mô tả liên thông dữ liệu sử dụng Cổng thông tin 15](#_Toc448914065)

[**3.3.1.** **Biểu đồ nghiệp vụ liên thông dữ liệu sử dụng Cổng thông tin** 15](#_Toc448914067)

[**3.3.2.** **Các bước mô tả liên thông dữ liệu sử dụng Cổng thông tin** 15](#_Toc448914068)

[4. PHƯƠNG THỨC TRAO ĐỔI DỮ LIỆU 17](#_Toc448914069)

[4.1. Liên thông dữ liệu sử dụng FTP 17](#_Toc448914071)

[**4.1.1.** **CheckIn:** 17](#_Toc448914074)

[**4.1.2.** **CheckOut:** 17](#_Toc448914075)

[**4.1.3.** **Sửa đổi file xml đã upload** 17](#_Toc448914076)

[**4.1.4.** **Phương thức trao đổi dữ liệu** 17](#_Toc448914077)

[4.2. Liên thông dữ liệu sử dụng WebService 19](#_Toc448914078)

[**4.1.5.** **Các hàm webservice được cung cấp trên cổng** 19](#_Toc448914079)

[**4.1.5.1.** **Hàm gửi thông tin bệnh nhân nhập viện** 19](#_Toc448914080)

[**4.1.5.2.** **Hàm gửi thông tin bệnh nhân xuất viện** 19](#_Toc448914081)

[**4.1.5.3.** **Hàm kiểm tra thông tin thẻ BHYT** 20](#_Toc448914082)

[**4.1.5.4.** **Hàm tra cứu thông tin thẻ BHYT** 20](#_Toc448914083)

[**4.1.5.5.** **Hàm gửi thông tin chuyển tuyến** 21](#_Toc448914084)

[**4.1.5.6.** **Hàm lấy thông tin chuyển tuyến** 21](#_Toc448914085)

[**4.1.5.7.** **Hàm tra cứu lịch sử khám chữa bệnh** 22](#_Toc448914086)

[**4.1.5.8.** **Hàm gửi thông tin dự trù thuốc chưa duyệt** 22](#_Toc448914087)

[**4.1.5.9.** **Hàm lấy thông tin dự trù thuốc chưa duyệt** 23](#_Toc448914088)

[**4.1.5.10.** **Hàm gửi thông tin dự trù thuốc đã duyệt** 23](#_Toc448914089)

[**4.1.5.11.** **Hàm lấy thông tin dự trù thuốc đã duyệt** 24](#_Toc448914090)

[**4.1.5.12.** **Hàm kiểm tra lạm dụng thẻ BHYT** 24](#_Toc448914091)

[4.3. Liên thông dữ liệu sử dụng Cổng thông tin 25](#_Toc448914092)

[4.3.1. Nhập thông tin nhập viện vào Cổng thông tin 25](#_Toc448914096)

[4.3.2. Duyệt danh sách gửi BHYT. 25](#_Toc448914097)

[4.3.3. Tìm kiếm thông tin bệnh nhân. 25](#_Toc448914098)

[4.3.4. Giao diện ứng dụng trên Cổng thông tin. 25](#_Toc448914099)

[5. HƯỚNG DẪN CÀI ĐẶT 26](#_Toc448914100)

[5.1. Cài đặt liên thông sử dụng FTP 26](#_Toc448914105)

[5.2. Liên thông sử dụng Web Service 26](#_Toc448914106)

[5.3. Liên thông sử dụng Cổng thông tin 26](#_Toc448914107)

# MỤC TIÊU CỦA TÀI LIỆU

## Mục tiêu tổng quan

Giới thiệu chung về mô hình tổng quan hệ thống liên thông dữ liệu Bộ Y Tế.

## Đối tượng người dung của hệ thống

Các cơ sở y tế có nhu cầu khai thác và liên thông dữ liệu với đơn vị khác.

# MÔ HÌNH LIÊN THÔNG DỮ LIỆU



## Mô hình liên thông dữ liệu sử dụng FTP



Địa chỉ tải Agent sẽ được cung cấp sau.

## Mô hình liên thông dữ liệu sử dụng WebService



## Mô hình liên thông dữ liệu sử dụng Cổng thông tin Tích hợp



# MÔ HÌNH MÔ TẢ LIÊN THÔNG DỮ LIỆU



## Mô hình mô tả liên thông dữ liệu sử dụng FTP



### **Biểu đồ nghiệp vụ liên thông dữ liệu sử dụng FTP**



### **Các bước mô tả nghiệp vụ liên thông dữ liệu sử dụng FTP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã bước** | **Tên bước** | **Mô tả** |
| 1 | B.01 | Bước 1 | Bác sĩ sẽ nhập thông tin của bệnh nhân nhập viên hoặc xuất viện, chuyển viện lên phần mềm HIS của bệnh viện. |
| 2 | B.02 | Bước 2 | Phần mềm HIS của bệnh viện sẽ xuất thông tin của bệnh nhân ra file định dạng .xml |
| 3 | B.03 | Bước 3 | File XML sẽ được gửi đến máy tiếp nhận nằm trong Cổng thông tin tích hợp Bộ Y Tế thông qua giao thức FTP. |
| 4 | B.04 | Bước 4 | Kết xuất thông tin từ file XML rồi cập nhật vào CSDL. |
| 5 | B.05 | Bước 5 | Hệ thống Cổng thông tin tích hợp sẽ phân tích dữ liệu được gửi lên để đưa về đúng cấu trúc dữ liệu chuẩn. |
| 6 | B.06 | Bước 6 | Người sử dụng (Quản trị Cổng thông tin tích hợp Bộ y tế và Hệ thống Giám định BHYT) đưa yêu cầu cho Cổng dịch vụ tạo danh sách gửi BHYT. |
| 7 | B.07 | Bước 7 | Cổng dịch vụ liên thông dữ liệu giữa Cổng thông tin tích hợp Bộ y tế và Hệ thống Giám định BHYT sẽ đưa ra yêu cầu lấy thông tin thanh toán BHYT. |
| 8 | B.08 | Bước 8 | Cổng dịch vụ liên thông dữ liệu giữa Cổng thông tin tích hợp Bộ y tế và Hệ thống Giám định BHYT gửi thông tin thanh toán BHYT sang Hệ thống Giám định BHYT |
| 9 | B.09 | Bước 9 | Hệ thống Giám định BHYT báo lại trạng thái cho Cổng dịch vụ:   * AuthenticationError (-1) trả về khi có lỗi về tokenkey hết hạn (hoặc không chính xác) -> cần đăng nhậplại để lấy token mới. * ProcessError(0): trả về khi hồ sơ có lỗi cấu trúc hoặc lỗi kiểu dữ liệu. * ProcessSuccess(1): trả về khi hồ sơ được gửi lên hệ thống thành công. |
| 10 | B.10 |  |  |

## Mô hình mô tả liên thông dữ liệu sử dụng Web Service



### **Biểu đồ nghiệp vụ liên thông dữ liệu sử dụng Web Service**



### **Các bước mô tả liên thông dữ liệu sử dụng Web Service**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã bước** | **Tên bước** | **Mô tả** |
| 1 | B.01 | Bước 1 | Bác sĩ sẽ nhập thông tin của bệnh nhân nhập viên hoặc xuất viện, chuyển viện lên phần mềm HIS của bệnh viện. |
| 2 | B.02 | Bước 2 | Phần mềm HIS của bệnh viện sẽ xuất thông tin của bệnh nhân theo định dạng xml |
| 3 | B.03 | Bước 3 | Phần mềm HIS bệnh viện sẽ gửi thông tin bệnh nhân đã được xuất theo định dạng xml lên Cổng dịch vụ nằm trong Cổng thông tin tích hợp Bộ Y tế. |
| 4 | B.04 | Bước 4 | Cổng dịch vụ sẽ cập nhật thông tin bệnh nhân nhận được vào trong CSDL. |
| 5 | B.05 | Bước 5 | Hệ thống Cổng thông tin tích hợp sẽ phân tích dữ liệu được gửi lên để đưa về đúng cấu trúc dữ liệu chuẩn. |
| 6 | B.06 | Bước 6 | Người sử dụng (Quản trị Cổng thông tin tích hợp Bộ y tế và Hệ thống Giám định BHYT) đưa yêu cầu cho Cổng dịch vụ tạo danh sách gửi BHYT. |
| 7 | B.07 | Bước 7 | Cổng dịch vụ liên thông dữ liệu giữa Cổng thông tin tích hợp Bộ y tế và Hệ thống Giám định BHYT sẽ đưa ra yêu cầu lấy thông tin thanh toán BHYT. |
| 8 | B.08 | Bước 8 | Cổng dịch vụ liên thông dữ liệu giữa Cổng thông tin tích hợp Bộ y tế và Hệ thống Giám định BHYT gửi thông tin thanh toán BHYT sang Hệ thống Giám định BHYT |
| 9 | B.09 | Bước 9 | Hệ thống Giám định BHYT báo lại trạng thái cho Cổng dịch vụ:   * AuthenticationError (-1) trả về khi có lỗi về tokenkey hết hạn (hoặc không chính xác) -> cần đăng nhậplại để lấy token mới. * ProcessError(0): trả về khi hồ sơ có lỗi cấu trúc hoặc lỗi kiểu dữ liệu. * ProcessSuccess(1): trả về khi hồ sơ được gửi lên hệ thống thành công. |
| 10 | B.10 |  |  |

## Mô hình mô tả liên thông dữ liệu sử dụng Cổng thông tin



### **Biểu đồ nghiệp vụ liên thông dữ liệu sử dụng Cổng thôngtin**



### **Các bước mô tả liên thông dữ liệu sử dụng Cổng thông tin**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã bước** | **Tên bước** | **Mô tả** |
| 1 | B.01 | Bước 1 | Bác sĩ sẽ nhập thông tin của bệnh nhân nhập viên hoặc xuất viện, chuyển viện lên Cổng thông tin HIS. |
| 2 | B.02 | Bước 2 | Cổng thông tin HIS sẽ cập nhật thông tin bệnh nhân vào CSDL. |
| 3 | B.03 | Bước 3 | Các hệ thống Phân tích dữ liệu sẽ tổ chức và cấu trúc lại dữ liệu theo chuẩn để tiện cho hệ thống khai thác dữ liệu. |
| 4 | B.04 | Bước 4 | Người sử dụng (Quản trị Cổng thông tin tích hợp Bộ y tế và Hệ thống Giám định BHYT) đưa yêu cầu tạo danh sách gửi BHYT. Cổng thông tin sẽ lấy dữ liệu từ CSDL gửi đến Cổng dịch vụ liên thông dữ liệu giữa Cổng thông tin tích hợp Bộ y tế và Hệ thống Giám định BHYT. |
| 5 | B.05 | Bước 5 | Cổng dịch vụ liên thông dữ liệu giữa Cổng thông tin tích hợp Bộ y tế và Hệ thống Giám định BHYT gửi thông tin thanh toán BHYT sang Hệ thống Giám định BHYT |
| 7 | B.06 | Bước 6 | Hệ thống Giám định BHYT báo lại trạng thái cho Cổng dịch vụ:   * AuthenticationError (-1) trả về khi có lỗi về tokenkey hết hạn (hoặc không chính xác) -> cần đăng nhậplại để lấy token mới. * ProcessError(0): trả về khi hồ sơ có lỗi cấu trúc hoặc lỗi kiểu dữ liệu. * ProcessSuccess(1): trả về khi hồ sơ được gửi lên hệ thống thành công. |
| 7 | B.7 | Bước 7 | Thông tin về trạng thái sẽ được Cổng dịch vụ gửi trả lại Cổng thông tin để thông báo đến người sử dụng. |
| 8 |  |  |  |

# PHƯƠNG THỨC TRAO ĐỔI DỮ LIỆU



## Liên thông dữ liệu sử dụng FTP

Phương thức trao đổi dữ liệu giữa các hệ thống liên thông được thống nhất là sử dụng cấu trúc xml. Trong trường hợp các hệ thống liên thông sử dụng FTP thì phương thức trao đổi dữ liệu ở đây là các file .xml. Sẽ có 2 định dạng chuẩn xml được sử dụng. Dạng thứ nhất được tổ chức giống như file CheckIn.xml dùng để đặc tả các thông tin nhập viện của bệnh nhân. Dạng thứ hai được tổ chức giống file CheckOut.xml dùng để đặc tả các thông tin xuất viện của bệnh nhân.Chi tiết sẽ được mổ tả bên dưới.



### **CheckIn:**

File CheckIn chứa các thông tin đầu vào của bệnh nhân khi bệnh nhân thực hiện các thủ tục tiếp đón. Định dạng tên file như sau: **YYYYMMDDHHmm\_MaTheBaoHiemYTe\_CheckIn.XML**

Trong đó YYYYMMDDHHmm là thời gian vào. Trong trường hợp bệnh nhân khám không sử dụng thẻ BHYT thì tên file đặt lại như sau: **YYYYMMDDHHmm\_MaHoso\_CheckIn.XML** ,Trong đó MaHoso là mã hồ sơ của bệnh nhân (Hay mã lượt khám).

### **CheckOut:**

File CheckOut chứa các thông tin về hồ sơ thanh toán khi bệnh nhân thực hiện thủ tục ra viện/ chuyển tuyến.

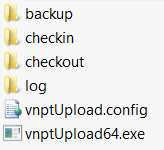
Định dạng tên file như sau: **YYYYMMDDHHmm\_MaTheBaoHiemYTe\_CheckOut.XML**

Trong đó YYYYMMDDHHmm là thời gian vào. Trong trường hợp bệnh nhân khám không sử dụng thẻ BHYT thì tên file đặt lại như sau: **YYYYMMDDHHmm\_MaHoso\_CheckOut.XML** ,Trong đó MaHoso là mã hồ sơ của bệnh nhân (Hay mã lượt khám).

### **Sửa đổi file xml đã upload**

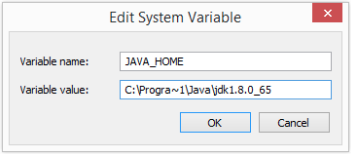
* Để xóa file xml checkin hoặc checkout đã gửi lên hệ thống thì trong thẻ HEADER, để giá trị của thẻ Action\_Type là 2 rồi đưa vào thư mục checkin hoặc checkout
* Để sửa nội dung file xml checkin hoặc checkout đã gửi lên hệ thống thì trong thẻ HEADER, để giá trị của thẻ Action\_Type là 1 rồi đưa vào thư mục checkin hoặc checkout

### **Phương thức trao đổi dữ liệu**

* Công cụ trao đổi dữ liệu qua FTP được cung cấp tại địa chỉ: <http://congdulieuyte.vn/download>
* Tải file xmlUpload32.zip hoặc xmlUpload64.zip tương ứng với máy dự kiến sử dụng để truyền dữ liệu.
* Giải nén file zip: 
* Mở file insr\_xml.properties thay đổi các tham số:
  + Thông số thư mục dữ liệu:
    - log.path: thư mục chức các file ghi lại lịch sử thực hiện truyền file qua FTP. Ví dụ: log.path=c:\\xmldata\\log
    - path.base: Thư mục chứa các file dữ liệu checkout, checkin, backup (Trong thư mục xmldata bạn sẽ tạo thêm các thư mục con: checkout, checkin, backup)
    - username: Tài khoản cơ sở y tế trên cổng dữ liệu y tế cung cấp
    - password: Mật khẩu cơ sở y tế do cổng dữ liệu y tế cung cấp
* Mở file ftp\_xml.properties thay đổi các tham số:
  + Thông số cần cấu hình:
    - map.option: Cho phép thay thế danh mục dùng chung trước khi gửi xml đi (ví dụ: map.option=no -> Ko thay thế danh mục dùng chung trước khi gửi xml)
    - header.option: Cho phép tự động điền thêm phần header của xml (ví dụ: header.option =no -> Ko thêm header vào file xml trước khi gửi)
    - map.xls.dir: Thư mục chứa các file mapping danh mục dùng chung được export từ congdulieuyte.vn (ví dụ: map.xls.dir =c:\\xmldata\_cum5\\xls\\)
    - map.xls.files: Tên các file mapping danh mục dùng chung trong thư mục xls. (ví dụ: map.xls.files =dm\_thuoc;dm\_dichvu;dm\_vattu)
    - map.count=4 *(Mặc định)*
    - map.data.1=.CHECKOUT.THONGTINCHITIET.DSACH\_CHI\_TIET\_THUOC.CHI\_TIET\_THUOC.MA\_THUOC;TEN\_THUOC:SO\_DANG\_KY;dm\_thuoc*(Mặc định)*
    - map.data.2=.CHECKOUT.THONGTINCHITIET.DSACH\_CHI\_TIET\_DVKT.CHI\_TIET\_DVKT.MA\_DICH\_VU;TEN\_DICH\_VU;dm\_dichvu*(Mặc định)*
    - map.data.3=.CHECKOUT.THONGTINCHITIET.DSACH\_CHI\_TIET\_DVKT.CHI\_TIET\_DVKT.MA\_VAT\_TU;;dm\_vattu*(Mặc định)*
    - map.data.4=.CHECKOUT.THONGTINCHITIET.DSACH\_CHI\_TIET\_CLS.CHI\_TIET\_CLS.MA\_DICH\_VU;;dm\_dichvu*(Mặc định)*
  + Thông số FTP: thông tin tài khoản FTP được cung cấp khi người dùng đăng nhập thành công vào website cổng thông tin Bộ Y Tế.
    - [ftp.server](ftp://ftp.server): địa chỉ FTP Server. Ví dụ: [ftp.server=123.31.27.53](ftp://ftp.server=123.31.27.53)
    - [ftp.port](ftp://ftp.port): cổng giao tiếp FTP. Ví dụ: [ftp.port=21](ftp://ftp.port=21)
    - [ftp.user](ftp://ftp.user): tài khoản đăng nhập FTP server.
    - [ftp.password](ftp://ftp.password): mật khẩu đăng nhập FTP server.
* Thực hiện chạy file xmlUpload32.exe hoặc xmlUpload64.exe để truyền file qua giao thức FTP.
* Tạo các file checkin(theo thông điệp M0001) và checkout(theo thông điệp M0002) vào các thư mục tương ứng đã thiết lập tham số như trên.
* Lưu ý: tên file xml sẽ được dùng làm tham số tìm kiếm thông tin trạng thái trên cổng thông tin Bộ Y Tế.

### **Cài đặt môi trường**

* Download và cài đặt: java SE Deverlopment Kit 7(jdk 1.7) tại địa chỉ: congdulieuyte.vn/download
* Thiết lập biến môi trường:
  + Tìm thư mục vừa cài đặt JDK, thường được cài tại thư mục: C:\Program Files\Java\jdk1.8.0.65
  + Trong Window 7 kích chuột phải vào **My Computer** chọn **Properties** > **Advanced,** Trong Window 8 vào **Control Panel** > **System** > **Advanced System Settings**
  + Chọn nút **Environment Variables**
  + Dưới **System Variables** chọn **New**
  + Trong trường: **Variable Name** nhập “JAVA\_HOME”
  + Trong trường: **Variable Value** nhập địa chỉ thư mục đã cài đặt jdk: C:\Program Files\Java\jdk1.8.0.65



* + Sau đó click **Ok** và **Apply Changes** để hoàn tất thiết lập môi trường

## Liên thông dữ liệu sử dụng WebService

Phương thức trao đổi dữ liệu giữa các hệ thống liên thông được thống nhất là sử dụng cấu trúc xml. Trường hợp các hệ thống liên thông sử dụng Web Service thì phương thức trao đổi là các thông tin được tổ chứ dưới cấu trúc xml và được gửi tới các Web Service.

Địa chỉ URL Web Services để truy cập Cổng dịch vụ liên thông

http://congdulieuyte.vn/hPortal/services

### **Các hàm webservice được cung cấp trên cổng**

### **Hàm gửi thông tin bệnh nhân nhập viện**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| WebService URI: [hPortal/services/](http://hisportal/service/)guiTTNV | | | |
| Dữ liệu đầu vào | | | |
| Dữ liệu đầu vào | Tên Field | Kiểu dữ liệu | Ghi chú |
| Tên đăng nhập | username | Chuỗi ký tự | Tên đăng nhập vào hệ thống, dohPortal cung cấp, trường bắt buộc |
| Mật khẩu | password | Chuỗi ký tự | Mật khẩu đã chuyển qua MD5 đăng nhập vào hệ thống, do hPortal cung cấp, trường bắt buộc |
| Thông tin bệnh nhân nhập viện | xmlData | Chuỗi ký tự | Thông điệp yêu cầu [M0001](#_Thông_điệp_M0001) |
| Dữ liệu đầu ra | | | |
| Dữ liệu đầu ra | Tên Field | Kiểu dữ liệu | Ghi chú |
| Kết quả trả về | xmlResponse | Chuỗi ký tự | Thông điệp trả lời [R0001](#_Thông_điệp_R0001) |

### **Hàm gửi thông tin bệnh nhân xuất viện**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| WebService URI: [hPortal/service/](http://hisportal/service/)guiTTXV | | | |
| Dữ liệu đầu vào | | | |
| Dữ liệu đầu vào | Tên Field | Kiểu dữ liệu | Ghi chú |
| Tên đăng nhập | username | Chuỗi ký tự | Tên đăng nhập vào hệ thống, do hPortal cung cấp, trường bắt buộc |
| Mật khẩu | password | Chuỗi ký tự | Mật khẩu đã chuyển qua MD5 đăng nhập vào hệ thống, do hPortal cung cấp, trường bắt buộc |
| Thông tin bệnh nhân nhập viện | xmlData | Chuỗi ký tự | Thông điệp yêu cầu [M0002](#_Thông_điệp_M0002) |
| Dữ liệu đầu ra | | | |
| Dữ liệu đầu ra | Tên Field | Kiểu dữ liệu | Ghi chú |
| Kết quả trả về | xmlResponse | Chuỗi ký tự | Thông điệp trả lời [R0001](#_Thông_điệp_R0001) |

### **Hàm kiểm tra thông tin thẻ BHYT**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| WebService URI: [hPortal/service/](http://hisportal/service/)kt\_tt\_theBHYT | | | |
| Dữ liệu đầu vào | | | |
| Dữ liệu đầu vào | Tên Field | Kiểu dữ liệu | Ghi chú |
| Tên đăng nhập | username | Chuỗi ký tự | Tên đăng nhập vào hệ thống, do hPortal cung cấp, trường bắt buộc |
| Mật khẩu | password | Chuỗi ký tự | Mật khẩu đã chuyển qua MD5 đăng nhập vào hệ thống, do hPortal cung cấp, trường bắt buộc |
| Thông tin bệnh nhân nhập viện | xmlData | Chuỗi ký tự | Thông điệp yêu cầu [M0003](#_Thông_điệp_M0003) |
| Dữ liệu đầu ra | | | |
| Dữ liệu đầu ra | Tên Field | Kiểu dữ liệu | Ghi chú |
| Kết quả trả về | xmlResponse | Chuỗi ký tự | Thông điệp trả lời [R0003](#_Thông_điệp_R0003) |

### **Hàm tra cứu thông tin thẻ BHYT**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| WebService URI: [hPortal/service/](http://hisportal/service/)tc\_tt\_theBHYT | | | |
| Dữ liệu đầu vào | | | |
| Dữ liệu đầu vào | Tên Field | Kiểu dữ liệu | Ghi chú |
| Tên đăng nhập | username | Chuỗi ký tự | Tên đăng nhập vào hệ thống, do hPortal cung cấp, trường bắt buộc |
| Mật khẩu | password | Chuỗi ký tự | Mật khẩu đã chuyển qua MD5 đăng nhập vào hệ thống, do hPortal cung cấp, trường bắt buộc |
| Thông tin bệnh nhân nhập viện | xmlData | Chuỗi ký tự | Thông điệp yêu cầu [M0004](#_Thông_điệp_M0004) |
| Dữ liệu đầu ra | | | |
| Dữ liệu đầu ra | Tên Field | Kiểu dữ liệu | Ghi chú |
| Kết quả trả về | xmlResponse | Chuỗi ký tự | Thông điệp trả lời [R0004](#_Thông_điệp_R0004) |

### **Hàm gửi thông tin chuyển tuyến**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| WebService URI: [hPortal/service/](http://hisportal/service/)guiTTCT | | | |
| Dữ liệu đầu vào | | | |
| Dữ liệu đầu vào | Tên Field | Kiểu dữ liệu | Ghi chú |
| Tên đăng nhập | username | Chuỗi ký tự | Tên đăng nhập vào hệ thống, do hPortal cung cấp, trường bắt buộc |
| Mật khẩu | password | Chuỗi ký tự | Mật khẩu đã chuyển qua MD5 đăng nhập vào hệ thống, do hPortal cung cấp, trường bắt buộc |
| Thông tin bệnh nhân nhập viện | xmlData | Chuỗi ký tự | Thông điệp yêu cầu [M0002](#_Thông_điệp_M0002) |
| Dữ liệu đầu ra | | | |
| Dữ liệu đầu ra | Tên Field | Kiểu dữ liệu | Ghi chú |
| Kết quả trả về | xmlResponse | Chuỗi ký tự | Thông điệp trả lời [R0001](#_Thông_điệp_R0001) |

### **Hàm lấy thông tin chuyển tuyến**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| WebService URI: [hPortal/service/](http://hisportal/service/)nhanTTCT | | | |
| Dữ liệu đầu vào | | | |
| Dữ liệu đầu vào | Tên Field | Kiểu dữ liệu | Ghi chú |
| Tên đăng nhập | username | Chuỗi ký tự | Tên đăng nhập vào hệ thống, do hPortal cung cấp, trường bắt buộc |
| Mật khẩu | password | Chuỗi ký tự | Mật khẩu đã chuyển qua MD5 đăng nhập vào hệ thống, do hPortal cung cấp, trường bắt buộc |
| Thông tin bệnh nhân nhập viện | xmlData | Chuỗi ký tự | Thông điệp yêu cầu [M0005](#_Thông_điệp_M0005) |
| Dữ liệu đầu ra | | | |
| Dữ liệu đầu ra | Tên Field | Kiểu dữ liệu | Ghi chú |
| Kết quả trả về | xmlResponse | Chuỗi ký tự | Thông điệp trả lời [R0005](#_Thông_điệp_R0005) |

### **Hàm tra cứu lịch sử khám chữa bệnh**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| WebService URI: [hPortal/service/](http://hisportal/service/)tc\_ls\_KCB | | | |
| Dữ liệu đầu vào | | | |
| Dữ liệu đầu vào | Tên Field | Kiểu dữ liệu | Ghi chú |
| Tên đăng nhập | username | Chuỗi ký tự | Tên đăng nhập vào hệ thống, do hPortal cung cấp, trường bắt buộc |
| Mật khẩu | password | Chuỗi ký tự | Mật khẩu đã chuyển qua MD5 đăng nhập vào hệ thống, do hPortal cung cấp, trường bắt buộc |
| Thông tin bệnh nhân nhập viện | xmlData | Chuỗi ký tự | Thông điệp yêu cầu [M0006](#_Thông_điệp_M0006) |
| Dữ liệu đầu ra | | | |
| Dữ liệu đầu ra | Tên Field | Kiểu dữ liệu | Ghi chú |
| Kết quả trả về | xmlResponse | Chuỗi ký tự | Thông điệp trả lời [R0006](#_Thông_điệp_R0006) |

### **Hàm gửi thông tin dự trù thuốc chưa duyệt**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| WebService URI: [hPortal/service/](http://hisportal/service/)guiDTT | | | |
| Dữ liệu đầu vào | | | |
| Dữ liệu đầu vào | Tên Field | Kiểu dữ liệu | Ghi chú |
| Tên đăng nhập | username | Chuỗi ký tự | Tên đăng nhập vào hệ thống, do hPortal cung cấp, trường bắt buộc |
| Mật khẩu | password | Chuỗi ký tự | Mật khẩu đã chuyển qua MD5 đăng nhập vào hệ thống, do hPortal cung cấp, trường bắt buộc |
| Thông tin bệnh nhân nhập viện | xmlData | Chuỗi ký tự | Thông điệp yêu cầu [M0007](#_Thông_điệp_M0007) |
| Dữ liệu đầu ra | | | |
| Dữ liệu đầu ra | Tên Field | Kiểu dữ liệu | Ghi chú |
| Kết quả trả về | xmlResponse | Chuỗi ký tự | Thông điệp trả lời [R0007](#_Thông_điệp_R0007) |

### **Hàm lấy thông tin dự trù thuốc chưa duyệt**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| WebService URI: [hPortal/service/](http://hisportal/service/)nhanDTT | | | |
| Dữ liệu đầu vào | | | |
| Dữ liệu đầu vào | Tên Field | Kiểu dữ liệu | Ghi chú |
| Tên đăng nhập | username | Chuỗi ký tự | Tên đăng nhập vào hệ thống, do hPortal cung cấp, trường bắt buộc |
| Mật khẩu | password | Chuỗi ký tự | Mật khẩu đã chuyển qua MD5 đăng nhập vào hệ thống, do hPortal cung cấp, trường bắt buộc |
| Thông tin bệnh nhân nhập viện | xmlData | Chuỗi ký tự | Thông điệp yêu cầu [M0008](#_Thông_điệp_M0008) |
| Dữ liệu đầu ra | | | |
| Dữ liệu đầu ra | Tên Field | Kiểu dữ liệu | Ghi chú |
| Kết quả trả về | xmlResponse | Chuỗi ký tự | Thông điệp trả lời [R0008](#_Thông_điệp_R0008) |

### **Hàm gửi thông tin dự trù thuốc đã duyệt**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| WebService URI: [hPortal/service/](http://hisportal/service/)guiDDTT | | | |
| Dữ liệu đầu vào | | | |
| Dữ liệu đầu vào | Tên Field | Kiểu dữ liệu | Ghi chú |
| Tên đăng nhập | username | Chuỗi ký tự | Tên đăng nhập vào hệ thống, do hPortal cung cấp, trường bắt buộc |
| Mật khẩu | password | Chuỗi ký tự | Mật khẩu đã chuyển qua MD5 đăng nhập vào hệ thống, do hPortal cung cấp, trường bắt buộc |
| Thông tin bệnh nhân nhập viện | xmlData | Chuỗi ký tự | Thông điệp yêu cầu [M0007](#_Thông_điệp_M0007) |
| ư | | | |
| Dữ liệu đầu ra | Tên Field | Kiểu dữ liệu | Ghi chú |
| Kết quả trả về | xmlResponse | Chuỗi ký tự | Thông điệp trả lời [R0007](#_Thông_điệp_R0007) |

### **Hàm lấy thông tin dự trù thuốc đã duyệt**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| WebService URI: [hPortal/service/](http://hisportal/service/)nhanDDTT | | | |
| Dữ liệu đầu vào | | | |
| Dữ liệu đầu vào | Tên Field | Kiểu dữ liệu | Ghi chú |
| Tên đăng nhập | username | Chuỗi ký tự | Tên đăng nhập vào hệ thống, do hPortal cung cấp, trường bắt buộc |
| Mật khẩu | password | Chuỗi ký tự | Mật khẩu đã chuyển qua MD5 đăng nhập vào hệ thống, do hPortal cung cấp, trường bắt buộc |
| Thông tin bệnh nhân nhập viện | xmlData | Chuỗi ký tự | Thông điệp yêu cầu [M0009](#_Thông_điệp_M0009) |
| Dữ liệu đầu ra | | | |
| Dữ liệu đầu ra | Tên Field | Kiểu dữ liệu | Ghi chú |
| Kết quả trả về | xmlResponse | Chuỗi ký tự | Thông điệp trả lời [R0008](#_Thông_điệp_R0008) |

### **Hàm kiểm tra lạm dụng thẻ BHYT**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| WebService URI: [hPortal/service/](http://hisportal/service/)kt\_lamdungthe | | | |
| Dữ liệu đầu vào | | | |
| Dữ liệu đầu vào | Tên Field | Kiểu dữ liệu | Ghi chú |
| Tên đăng nhập | username | Chuỗi ký tự | Tên đăng nhập vào hệ thống, do hPortal cung cấp, trường bắt buộc |
| Mật khẩu | password | Chuỗi ký tự | Mật khẩu đã chuyển qua MD5 đăng nhập vào hệ thống, do hPortal cung cấp, trường bắt buộc |
| Thông tin bệnh nhân nhập viện | xmlData | Chuỗi ký tự | Thông điệp yêu cầu [M0010](#_Thông_điệp_M0010) |
| Dữ liệu đầu ra | | | |
| Dữ liệu đầu ra | Tên Field | Kiểu dữ liệu | Ghi chú |
| Kết quả trả về | xmlResponse | Chuỗi ký tự | Thông điệp trả lời [R0010](#_Thông_điệp_R0010) |

## Liên thông dữ liệu sử dụng Cổng thông tin

Ngoài 2 kiểu liên thông dữ liệu sử dụng FTP và Web Service, người sử dụng còn có thể trực tiếp nhập thông tin vào viện và xuất viện của bệnh nhân lên trực tiếp Cổng thông tin Bộ Y tế thông ra các form nhập do Cổng thông tin đưa ra.



## Nhập thông tin nhập viện vào Cổng thông tin

Người sử dụng có thể nhập trực tiếp thông tin nhập viện của bệnh nhân vào form nhập thông tin. Form nhập thông tin nhập viện sẽ đưa ra các trường giống với mô tả trong file CheckIn.xml.

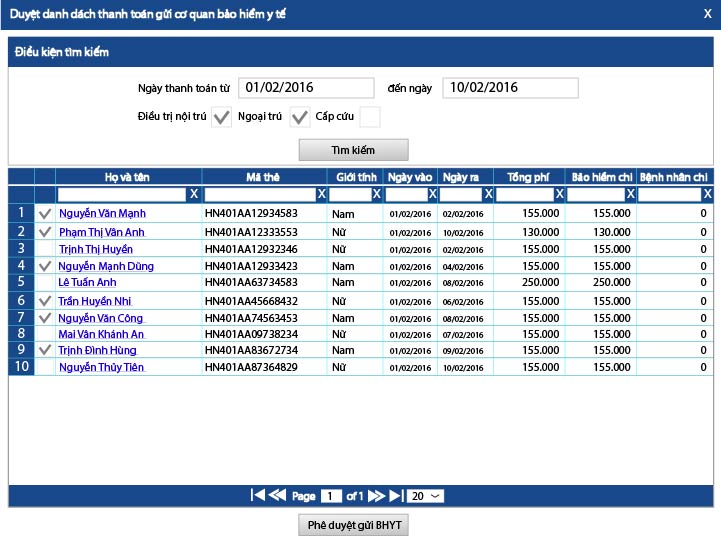
## Duyệt danh sách gửi BHYT.

Người sử dụng có thể duyệt danh sách thông tin bệnh nhân khám BHYT để gửi sang bên giám định BHYT.

## Tìm kiếm thông tin bệnh nhân.

Người sử dụng có thể tìm kiếm thông tin các bệnh nhân khám BHYT được lưu trên Cổng thông tin.

## Giao diện ứng dụng trên Cổng thông tin.



# HƯỚNG DẪN CÀI ĐẶT



## Cài đặt liên thông sử dụng FTP

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã bước** | **Tên bước** | **Mô tả** |
| 1 | B.01 | Bước 1 | Người cài đặt phải tải agent về rồi cài lên trên máy tiếp nhận của hệ thống HIS cơ sở. Link tải agent sẽ được cập nhật sau. |
| 2 | B.02 | Bước 2 | Người cài đặt sẽ tạo 4 thư mục checkin, checkout, backup, log trên ổ cứng máy tiếp nhận của hệ thống HIS cơ sở. |
| 3 | B.03 | Bước 3 | Sau khi tạo xong 3 thư mục ở bước trên thì người cài đặt sẽ vào file [ftp.config](ftp://ftp.config) để cấu hình đường dẫn trỏ đến 3 thư mục trên:   * path.checkin=d:\\xmldata\\checkin * path.checkout=d:\\xmldata\\checkout * path.backup=d:\\xmldata\\backup * path.log=d:\\xmldata\\log   Ở ví dụ trên đang cấu hình trỏ đến 4 thư mục nằm trên ổ D và trong thư mục xmldata. |
| 4 | B.04 | Bước 4 | Chạy dịch vụ. |
| 5 |  |  |  |

## Liên thông sử dụng Web Service

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã bước** | **Tên bước** | **Mô tả** |
| 1 | B.01 | Bước 1 | Cổng tích hợp BYT sẽ cung cấp cho bên HIS cơ sở các địa chỉ service, username và mật khẩu truy cập với tài liệu hướng dẫn các tham số truyền vào và các tham số trả về. |
| 2 | B.02 | Bước 2 | Bên HIS cơ sở sẽ xây dựng module gọi đến đến Web Service của Cổng tích hợp BYT để lấy dữ liệu về hiển thị lên HIS CSYT. |
| 3 |  |  |  |

## Liên thông sử dụng Cổng thông tin

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã bước** | **Tên bước** | **Mô tả** |
| 1 | B.01 | Bước 1 | Cổng tích hợp BYT sẽ cung cấp cho bên HIS cơ sở các tài khoản và mật khẩu để bên HIS cơ sở có thể truy cập vào Cổng thông tin Bộ Y tế. |
| 2 | B.02 | Bước 2 | Bên HIS cơ sở sẽ truy cập vào Cổng thông tin và cập nhật thông tin bệnh nhân trực tiếp trên Cổng tích hợp BYT. |
| 3 |  |  |  |

PHỤ LỤC I: CẤU TRÚC THÔNG ĐIỆP XML

* Mô tả:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên thẻ XML** | **Diễn giải** | | **Ràng buộc** | | **Chú thích** |
| **<HEADER>** | | | | | |
| <MESSAGE\_VERSION> | Phiên bản message | | Bắt buộc | | 1.0 |
| <SENDER\_CODE> | Mã ứng dụng gửi. | | Bắt buộc | |  |
| <SENDER\_NAME> | Tên ứng dụng gửi | | Tùy chọn | |  |
| <TRANSACTION\_TYPE> | Mã loại message | | Không nhập | | Do từng ứng dụng tác nghiệp quy định, trong trường hợp này mặc định = 2 |
| <TRANSACTION \_NAME> | Tên tác nghiệp | | Không nhập | | Mặc định trong trường hợp này là “Web Service” |
| <TRANSACTION \_DATE> | Thời gian thực hiện | | Không nhập | | Ngày tạo ra UID. Định dạng: YYYY-MM-DD |
| <TRANSACTION \_ID> | Id của message gửi | | Không nhập | | UID ứng dụng tạo ra để quản lý transaction |
| <REQUEST \_ID> | Id yêu cầu | | Không nhập | | ID người sử dụng tạo ra để quản lý yêu cầu |
| <Action\_Type> | Kiểu yêu cầu | | Mặc định là 0 | | 0: Thêm , 1:sửa, 2: Xóa |
| **</HEADER>** | | | | | |
| **<BODY>** | | | | | |
| **<ROW>**  Dữ liệu XML được định nghĩa bởi các ứng dụng tham gia kết nối  **</ROW>** | | | | | |
| **</BODY>** | | | | | |
| **<ERROR>** | | | | | |
| <Error\_Number> | | Mã lỗi trả về |  | Được mô tả tại mục 2.1 | |
| <Error\_Message> | | Thông điệp lỗi trả về |  | Được mô tả tại mục 2.1 | |
| **< /ERROR>** | | | | | |
| **<SECURITY>** | | | | | |
| <SIGNATURE> | |  |  | | Thẻ chứa các giá trị của thẻ ký |
| <SignatureValue> | | Chữ kí điện tử nhân danh tổ chức(BYT, CSYT...) | Tùy chọn | |  |
| **</SECURITY>** | | | | | |

PHỤ LỤC II: BẢNG MÃ LỖI

|  |  |
| --- | --- |
| Mã lỗi  <Error\_Number> | Mô tả  <Error\_Message> |
| 0 | Gửi thông tin thành công |
| 1 | Gửi thông tin thất bại |
| 2 | Lỗi không được xác thực |
| 3 | Không có kết quả phù hợp |
| 4 | Lỗi sai cấu trúc |

PHỤ LỤC III: DANH SÁCH CÁC THÔNG ĐIỆP TRÊN CỔNG TÍCH HỢP

#### Lưu ý khi sử dụng ký tự đăc biệt

Khi nội dung trong thẻ có chứa ký tự đặc biệt như: <, >, / , [, ] … thì phải lưu nội dung đó trong thẻ CDATA, Ví dụ:

<MO\_TA>A>=B</MO\_TA>

phải được chuyển thành:

<MO\_TA><![CDATA[A>=B]]></MO\_TA>

#### Thông điệp M0001

<Data>

<Header>

<Message\_Version>1.0</Message\_Version>

<Sender\_Code>CSYT\_0001</Sender\_Code>

<Sender\_Name>Benh vien Bach Mai</Sender\_Name>

<Transaction\_Type>M0001</Transaction\_Type>

<Transaction\_Name>Web Service</Transaction\_Name>

<Transaction\_Date>2015-09-22</Transaction\_Date>

<Transaction\_ID>294aed32-30de-456a-9d6c-1b4b72ffafc0</Transaction\_ID>

<Request\_ID>0f70aa67-aa0f-4c58-ab3b-d7428dfdb07d</Request\_ID>

<Action\_Type>0</Action\_Type>

</Header>

<Body>

{Dữ liệu XML Thẻ CHECKIN}

</Body>

<Security>

<Signature>eWApKlLnIo+pLmgvrDDzzItIDX+ZvoPe9mirI9+</Signature>

</Security>

</Data>

#### Thông điệp R0001

<Data>

<Header>

<Message\_Version>1.0</Message\_Version>

<Sender\_Code>CSYT\_0001</Sender\_Code>

<Sender\_Name>Benh vien Bach Mai</Sender\_Name>

<Transaction\_Type>R0001</Transaction\_Type>

<Transaction\_Name>Ho so nhap vien</Transaction\_Name>

<Transaction\_Date>2015-09-22</Transaction\_Date>

<Transaction\_ID>294aed32-30de-456a-9d6c-1b4b72ffafc0</Transaction\_ID>

<Request\_ID>0f70aa67-aa0f-4c58-ab3b-d7428dfdb07d</Request\_ID>

</Header>

<Body>

</Body>

<Error>

<Error\_Number>0</Error\_Number>

<Error\_Message>Gửi thông tin thành công</Error\_Message>

</Error>

<Security>

<Signature>eWApKlLnIo+pLmgvrDDzzItIDX+ZvoPe9mirI9+</Signature>

</Security>

</Data>

#### Thông điệp M0002

<Data>

<Header>

<Message\_Version>1.0</Message\_Version>

<Sender\_Code>CSYT\_0001</Sender\_Code>

<Sender\_Name>Benh vien Bach Mai</Sender\_Name>

<Transaction\_Type>M0002</Transaction\_Type>

<Transaction\_Name>Web Service</Transaction\_Name>

<Transaction\_Date>2015-09-22</Transaction\_Date>

<Transaction\_ID>294aed32-30de-456a-9d6c-1b4b72ffafc0</Transaction\_ID>

<Request\_ID>0f70aa67-aa0f-4c58-ab3b-d7428dfdb07d</Request\_ID>

<Action\_Type>0</Action\_Type>

</Header>

<Body>

<CHECKOUT>

{Dữ liệu XML thẻ PHIEUCHUYENTUYEN}

{Dữ liệu XML thẻ TONG\_HOP}

{Dữ liệu XML thẻ THONGTINCHITIET}

</CHECKOUT>

</Body>

<Security>

<Signature>eWApKlLnIo+pLmgvrDDzzItIDX+ZvoPe9mirI9+</Signature>

</Security>

</Data>

#### Thông điệp M0003

<Data>

<Header>

<Message\_Version>1.0</Message\_Version>

<Sender\_Code>CSYT\_0001</Sender\_Code>

<Sender\_Name>Benh vien Bach Mai</Sender\_Name>

<Transaction\_Type>M0003</Transaction\_Type>

<Transaction\_Name>Web Service</Transaction\_Name>

<Transaction\_Date>2015-09-22T02:57:13</Transaction\_Date>

<Transaction\_ID>294aed32-30de-456a-9d6c-1b4b72ffafc0</Transaction\_ID>

<Request\_ID>0f70aa67-aa0f-4c58-ab3b-d7428dfdb07d</Request\_ID>

</Header>

<Body>

{Dữ liệu XML thẻ PT\_THEBHYT}

</Body>

<Security>

<Signature>eWApKlLnIo+pLmgvrDDzzItIDX+ZvoPe9mirI9+</Signature>

</Security>

</Data>

#### Thông điệp R0003

<Data>

<Header>

<Message\_Version>1.0</Message\_Version>

<Sender\_Code>CSYT\_0001</Sender\_Code>

<Sender\_Name>Benh vien Bach Mai</Sender\_Name>

<Transaction\_Type>R0003</Transaction\_Type>

<Transaction\_Name>Web Service</Transaction\_Name>

<Transaction\_Date>2015-09-22</Transaction\_Date>

<Transaction\_ID>294aed32-30de-456a-9d6c-1b4b72ffafc0</Transaction\_ID>

<Request\_ID>0f70aa67-aa0f-4c58-ab3b-d7428dfdb07d</Request\_ID>

</Header>

<Body>

{Dữ liệu XML thẻTTKT\_THE}

</Body>

<Error>

<Error\_Number>0</Error\_Number>

<Error\_Message>Gửi thông tin thành công</Error\_Message>

</Error>

<Security>

<Signature>eWApKlLnIo+pLmgvrDDzzItIDX+ZvoPe9mirI9+</Signature>

</Security>

</Data>

#### Thông điệp M0004

<Data>

<Header>

<Message\_Version>1.0</Message\_Version>

<Sender\_Code>CSYT\_0001</Sender\_Code>

<Sender\_Name>Benh vien Bach Mai</Sender\_Name>

<Transaction\_Type>M0004</Transaction\_Type>

<Transaction\_Name>Web Service</Transaction\_Name>

<Transaction\_Date>2015-09-22</Transaction\_Date>

<Transaction\_ID>294aed32-30de-456a-9d6c-1b4b72ffafc0</Transaction\_ID>

<Request\_ID>0f70aa67-aa0f-4c58-ab3b-d7428dfdb07d</Request\_ID>

</Header>

<Body>

{Dữ liệu XML thẻ TC\_TT\_THE}

</Body>

<Security>

<Signature>eWApKlLnIo+pLmgvrDDzzItIDX+ZvoPe9mirI9+</Signature>

</Security>

</Data>

#### Thông điệp R0004

<Data>

<Header>

<Message\_Version>1.0</Message\_Version>

<Sender\_Code>CSYT\_0001</Sender\_Code>

<Sender\_Name>Benh vien Bach Mai</Sender\_Name>

<Transaction\_Type>R0004</Transaction\_Type>

<Transaction\_Name>Web Service</Transaction\_Name>

<Transaction\_Date>2015-09-22</Transaction\_Date>

<Transaction\_ID>294aed32-30de-456a-9d6c-1b4b72ffafc0</Transaction\_ID>

<Request\_ID>0f70aa67-aa0f-4c58-ab3b-d7428dfdb07d</Request\_ID>

</Header>

<Body>

{Dữ liệu XML thẻ PT\_THEBHYT}

</Body>

<Error>

<Error\_Number>0</Error\_Number>

<Error\_Message>Gửi thông tin thành công</Error\_Message>

</Error>

<Security>

<Signature>eWApKlLnIo+pLmgvrDDzzItIDX+ZvoPe9mirI9+</Signature>

</Security>

</Data>

#### Thông điệp M0005

<Data>

<Header>

<Message\_Version>1.0</Message\_Version>

<Sender\_Code>CSYT\_0001</Sender\_Code>

<Sender\_Name>Benh vien Bach Mai</Sender\_Name>

<Transaction\_Type>M0005</Transaction\_Type>

<Transaction\_Name>Web Service</Transaction\_Name>

<Transaction\_Date>2015-09-22</Transaction\_Date>

<Transaction\_ID>294aed32-30de-456a-9d6c-1b4b72ffafc0</Transaction\_ID>

<Request\_ID>0f70aa67-aa0f-4c58-ab3b-d7428dfdb07d</Request\_ID>

</Header>

<Body>

{Dữ liệu XML thẻ TTCV}

</Body>

<Security>

<Signature>eWApKlLnIo+pLmgvrDDzzItIDX+ZvoPe9mirI9+</Signature>

</Security>

</Data>

#### Thông điệp R0005

<Data>

<Header>

<Message\_Version>1.0</Message\_Version>

<Sender\_Code>CSYT\_0001</Sender\_Code>

<Sender\_Name>Benh vien Bach Mai</Sender\_Name>

<Transaction\_Type>R0005</Transaction\_Type>

<Transaction\_Name>Web Service</Transaction\_Name>

<Transaction\_Date>2015-09-22</Transaction\_Date>

<Transaction\_ID>294aed32-30de-456a-9d6c-1b4b72ffafc0</Transaction\_ID>

<Request\_ID>0f70aa67-aa0f-4c58-ab3b-d7428dfdb07d</Request\_ID>

</Header>

<Body>

<CHECKOUT>

{Dữ liệu XML thẻ PHIEUCHUYENTUYEN}

{Dữ liệu XML thẻ TONG\_HOP}

{Dữ liệu XML thẻ THONGTINCHITIET}

</CHECKOUT>

</Body>

<Error>

<Error\_Number>0</Error\_Number>

<Error\_Message>Gửi thông tin thành công</Error\_Message>

</Error>

<Security>

<Signature>eWApKlLnIo+pLmgvrDDzzItIDX+ZvoPe9mirI9+</Signature>

</Security>

</Data>

#### Thông điệp M0006

<Data>

<Header>

<Message\_Version>1.0</Message\_Version>

<Sender\_Code>CSYT\_0001</Sender\_Code>

<Sender\_Name>Benh vien Bach Mai</Sender\_Name>

<Transaction\_Type>M0006</Transaction\_Type>

<Transaction\_Name>Web Service</Transaction\_Name>

<Transaction\_Date>2015-09-22</Transaction\_Date>

<Transaction\_ID>294aed32-30de-456a-9d6c-1b4b72ffafc0</Transaction\_ID>

<Request\_ID>0f70aa67-aa0f-4c58-ab3b-d7428dfdb07d</Request\_ID>

</Header>

<Body>

{Dữ liệu XML thẻ TC\_LSKCB}

</Body>

<Security>

<Signature>eWApKlLnIo+pLmgvrDDzzItIDX+ZvoPe9mirI9+</Signature>

</Security>

</Data>

#### Thông điệp R0006

<Data>

<Header>

<Message\_Version>1.0</Message\_Version>

<Sender\_Code>CSYT\_0001</Sender\_Code>

<Sender\_Name>Benh vien Bach Mai</Sender\_Name>

<Transaction\_Type>R0006</Transaction\_Type>

<Transaction\_Name>Web Service</Transaction\_Name>

<Transaction\_Date>2015-09-22</Transaction\_Date>

<Transaction\_ID>294aed32-30de-456a-9d6c-1b4b72ffafc0</Transaction\_ID>

<Request\_ID>0f70aa67-aa0f-4c58-ab3b-d7428dfdb07d</Request\_ID>

</Header>

<Body>

{Dữ liệu XML thẻ TT\_LSKCB}

</Body>

<Error>

<Error\_Number>0</Error\_Number>

<Error\_Message>Gửi thông tin thành công</Error\_Message>

</Error>

<Security>

<Signature>eWApKlLnIo+pLmgvrDDzzItIDX+ZvoPe9mirI9+</Signature>

</Security>

</Data>

#### Thông điệp M0007

<Data>

<Header>

<Message\_Version>1.0</Message\_Version>

<Sender\_Code>CSYT\_0001</Sender\_Code>

<Sender\_Name>Benh vien Bach Mai</Sender\_Name>

<Transaction\_Type>M0007</Transaction\_Type>

<Transaction\_Name>Web Service</Transaction\_Name>

<Transaction\_Date>2015-09-22</Transaction\_Date>

<Transaction\_ID>294aed32-30de-456a-9d6c-1b4b72ffafc0</Transaction\_ID>

<Request\_ID>0f70aa67-aa0f-4c58-ab3b-d7428dfdb07d</Request\_ID>

<Action\_Type>0</Action\_Type>

</Header>

<Body>

<DS\_PHIEUDUTRU>

{Dữ liệu XML thẻ PHIEU\_DT\_THUOC} (Phiếu 1)

……………..

{Dữ liệu XML thẻ PHIEU\_DT\_THUOC} (Phiếu n)

<DS\_PHIEUDUTRU>

</Body>

<Security>

<Signature>eWApKlLnIo+pLmgvrDDzzItIDX+ZvoPe9mirI9+</Signature>

</Security>

</Data>

#### Thông điệp R0007

<Data>

<Header>

<Message\_Version>1.0</Message\_Version>

<Sender\_Code>CSYT\_0001</Sender\_Code>

<Sender\_Name>Benh vien Bach Mai</Sender\_Name>

<Transaction\_Type>R0007</Transaction\_Type>

<Transaction\_Name>Web Service</Transaction\_Name>

<Transaction\_Date>2015-09-22</Transaction\_Date>

<Transaction\_ID>294aed32-30de-456a-9d6c-1b4b72ffafc0</Transaction\_ID>

<Request\_ID>0f70aa67-aa0f-4c58-ab3b-d7428dfdb07d</Request\_ID>

</Header>

<Body>

{Dữ liệu XML thẻ MA\_PHIEU\_DTTHUOC}

</Body>

<Error>

<Error\_Number>0</Error\_Number>

<Error\_Message>Gửi thông tin thành công</Error\_Message>

</Error>

<Security>

<Signature>eWApKlLnIo+pLmgvrDDzzItIDX+ZvoPe9mirI9+</Signature>

</Security>

</Data>

#### Thông điệp M0008

<Data>

<Header>

<Message\_Version>1.0</Message\_Version>

<Sender\_Code>CSYT\_0001</Sender\_Code>

<Sender\_Name>Benh vien Bach Mai</Sender\_Name>

<Transaction\_Type>M0008</Transaction\_Type>

<Transaction\_Name>Web Service</Transaction\_Name>

<Transaction\_Date>2015-09-22</Transaction\_Date>

<Transaction\_ID>294aed32-30de-456a-9d6c-1b4b72ffafc0</Transaction\_ID>

<Request\_ID>0f70aa67-aa0f-4c58-ab3b-d7428dfdb07d</Request\_ID>

</Header>

<Body>

{Dữ liệu XML thẻ DUYET\_TTDT\_THUOC}

</Body>

<Security>

<Signature>eWApKlLnIo+pLmgvrDDzzItIDX+ZvoPe9mirI9+</Signature>

</Security>

</Data>

#### Thông điệp R0008

<Data>

<Header>

<Message\_Version>1.0</Message\_Version>

<Sender\_Code>CSYT\_0001</Sender\_Code>

<Sender\_Name>Benh vien Bach Mai</Sender\_Name>

<Transaction\_Type>R0008</Transaction\_Type>

<Transaction\_Name>Web Service</Transaction\_Name>

<Transaction\_Date>2015-09-22</Transaction\_Date>

<Transaction\_ID>294aed32-30de-456a-9d6c-1b4b72ffafc0</Transaction\_ID>

<Request\_ID>0f70aa67-aa0f-4c58-ab3b-d7428dfdb07d</Request\_ID>

</Header>

<Body>

<DS\_PHIEUDUTRU>

{Dữ liệu XML thẻ PHIEU\_DT\_THUOC} (phiếu 1)

{Dữ liệu XML thẻ PHIEU\_DT\_THUOC} (phiếu 2)

{Dữ liệu XML thẻ PHIEU\_DT\_THUOC} (phiếu 3)

{Dữ liệu XML thẻ PHIEU\_DT\_THUOC} (phiếu 4)

……..

{Dữ liệu XML thẻ PHIEU\_DT\_THUOC} (phiếu n)

</DS\_PHIEUDUTRU>

</Body>

<Error>

<Error\_Number>0</Error\_Number>

<Error\_Message>Gửi thông tin thành công</Error\_Message>

</Error>

<Security>

<Signature>eWApKlLnIo+pLmgvrDDzzItIDX+ZvoPe9mirI9+</Signature>

</Security>

</Data>

#### Thông điệp M0009

<Data>

<Header>

<Message\_Version>1.0</Message\_Version>

<Sender\_Code>CSYT\_0001</Sender\_Code>

<Sender\_Name>Benh vien Bach Mai</Sender\_Name>

<Transaction\_Type>M0009</Transaction\_Type>

<Transaction\_Name>Web Service</Transaction\_Name>

<Transaction\_Date>2015-09-22</Transaction\_Date>

<Transaction\_ID>294aed32-30de-456a-9d6c-1b4b72ffafc0</Transaction\_ID>

<Request\_ID>0f70aa67-aa0f-4c58-ab3b-d7428dfdb07d</Request\_ID>

</Header>

<Body>

{Dữ liệu XML thẻ TT\_DDT\_THUOC}

</Body>

<Security>

<Signature>eWApKlLnIo+pLmgvrDDzzItIDX+ZvoPe9mirI9+</Signature>

</Security>

</Data>

#### Thông điệp M0010

<Data>

<Header>

<Message\_Version>1.0</Message\_Version>

<Sender\_Code>CSYT\_0001</Sender\_Code>

<Sender\_Name>Benh vien Bach Mai</Sender\_Name>

<Transaction\_Type>M0010</Transaction\_Type>

<Transaction\_Name>Web Service</Transaction\_Name>

<Transaction\_Date>2015-09-22</Transaction\_Date>

<Transaction\_ID>294aed32-30de-456a-9d6c-1b4b72ffafc0</Transaction\_ID>

<Request\_ID>0f70aa67-aa0f-4c58-ab3b-d7428dfdb07d</Request\_ID>

</Header>

<Body>

{Dữ liệu XML thẻ KT\_LDT}

</Body>

<Security>

<Signature>eWApKlLnIo+pLmgvrDDzzItIDX+ZvoPe9mirI9+</Signature>

</Security>

</Data>

#### Thông điệp R0010

<Data>

<Header>

<Message\_Version>1.0</Message\_Version>

<Sender\_Code>CSYT\_0001</Sender\_Code>

<Sender\_Name>Benh vien Bach Mai</Sender\_Name>

<Transaction\_Type>R0010</Transaction\_Type>

<Transaction\_Name>Web Service</Transaction\_Name>

<Transaction\_Date>2015-09-22</Transaction\_Date>

<Transaction\_ID>294aed32-30de-456a-9d6c-1b4b72ffafc0</Transaction\_ID>

<Request\_ID>0f70aa67-aa0f-4c58-ab3b-d7428dfdb07d</Request\_ID>

</Header>

<Body>

{Dữ liệu XML thẻ KQ\_KT\_LDT}

</Body>

<Error>

<Error\_Number>0</Error\_Number>

<Error\_Message>Gửi thông tin thành công</Error\_Message>

</Error>

<Security>

<Signature>eWApKlLnIo+pLmgvrDDzzItIDX+ZvoPe9mirI9+</Signature>

</Security>

</Data>

Thẻ CHECKIN

<CHECKIN>

<MA\_LK>20151212000583</MA\_LK>

<MABENHVIEN>23666</MABENHVIEN>

<MA\_THE>HS7790900400912</MA\_THE>

<MA\_KCBBD>79032</MA\_KCBBD>

<HO\_TEN><![CDATA[Nguyen Van A]]></HO\_TEN>

<NGAY\_SINH>19801209</NGAY\_SINH>

<NAM\_SINH>1980</NAM\_SINH>

<GIOI\_TINH>1</GIOI\_TINH>

<DIA\_CHI><![CDATA[Truong tieu hoc Chi Linh]]></DIA\_CHI>

<TU\_NGAY>20160101</TU\_NGAY>

<DEN\_NGAY>20161231</DEN\_NGAY>

<MATINHQUANHUYEN>7909</MATINHQUANHUYEN>

<NGAYGIOVAO>201603091521</NGAYGIOVAO>

<NGAYDU5NAM>20160330</NGAYDU5NAM>

<MA\_NOICHUYENDEN>19008</MA\_NOICHUYENDEN>

<LYDODENKHAM>1</LYDODENKHAM>

<TINHTRANGVAOVIEN>1</TINHTRANGVAOVIEN>

<SOKHAMBENH>23</SOKHAMBENH>

<SODIENTHOAI\_LH>098888998</SODIENTHOAI\_LH>

<NGUOILIENHE><![CDATA[Nguyen Van Anh]]></NGUOILIENHE>

<MA\_KHUVUC>1</MA\_KHUVUC>

</CHECKIN>

* Bảng mô tả thông tin các thẻ

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên thẻ** | **Kiểu dữ liệu** | **Kích thước tối đa** | **Diễn giải** | **Bắt buộc nhập** |
|  | MA\_LK | Chuỗi | 100 | Mã liên kết giữa 1 lần CheckIn và CheckOut (PRIMARY KEY) | true |
|  | MABENHVIEN | Chuỗi | 10 | Mã bệnh viện | true |
|  | MA\_THE | Chuỗi | 20 | Mã thẻ BHYT.   * Nếu bệnh nhân khám bảo hiểm thì bắt buộc phải nhập. * Trường hợp bệnh nhân không khám bảo hiểm thì không nhập trường MA\_THE, MA\_KCBBD, TU\_NGAY, DEN\_NGAY, NGAYDU5NAM. |  |
|  | MA\_KCBBD | Chuỗi | 10 | Mã khám bệnh ban đầu:   * Nếu bệnh nhân khám bảo hiểm thì bắt buộc phải nhập. * Trường hợp bệnh nhân không khám bảo hiểm thì không nhập trường MA\_THE, MA\_KCBBD, TU\_NGAY, DEN\_NGAY, NGAYDU5NAM. |  |
|  | HO\_TEN | Chuỗi | 50 | Họ tênđược để trong thẻ CDATA .  Ví du: <![CDATA[HO\_TEN]]> | true |
|  | NGAY\_SINH | Chuỗi | 8 | Ngày Sinh (Ngày ghi trên thẻ gồm 8 ký tự: 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày. Ví dụ ngày sinh: 20161009 là ngày 09 tháng 10 năm 2016) |  |
|  | NAM\_SINH | Chuỗi | 4 | Năm Sinh (gồm 4 ký tự năm. Ví dụ 2016 là năm 2016) | true |
|  | GIOI\_TINH | Số | 1 | Giới tính (1: Nam, 2: Nữ) | true |
|  | DIA\_CHI | Chuỗi | 500 | Địa chỉđược để trong thẻ CDATA .  Ví du: <![CDATA[DIA\_CHI]]> | true |
|  | TU\_NGAY | Chuỗi | 8 | Thời gian thẻ BHYT từ ngày(Ngày giờ gồm 12 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày. Ví dụ: ngày 31/03/2015 được hiển thị là: 20150331).   * Nếu bệnh nhân khám bảo hiểm thì bắt buộc phải nhập. * Trường hợp bệnh nhân không khám bảo hiểm thì không nhập trường MA\_THE, MA\_KCBBD, TU\_NGAY, DEN\_NGAY, NGAYDU5NAM. |  |
|  | DEN\_NGAY | Chuỗi | 8 | Thời gian thẻ BHYT đến ngày(Ngày giờ gồm 12 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày. Ví dụ: ngày 31/03/2015 được hiển thị là: 20150331).   * Nếu bệnh nhân khám bảo hiểm thì bắt buộc phải nhập. * Trường hợp bệnh nhân không khám bảo hiểm thì không nhập trường MA\_THE, MA\_KCBBD, TU\_NGAY, DEN\_NGAY, NGAYDU5NAM. |  |
|  | MATINHQUANHUYEN | Chuỗi | 10 | Mã tỉnh quận huyện (2 ký tự mã tỉnh + 2 ký tự mã huyện trên thẻ BHYT) | true |
|  | NGAYGIOVAO | Chuỗi | 12 | Ngày giờ vào điều trị gồm 12 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày + 2 ký tự giờ (24 giờ) + 2 ký tự phút. Ví dụ: ngày 31/03/2015 15:20 được hiển thị là: 201503311520 | true |
|  | NGAYDU5NAM | Chuỗi | 8 | Ngày đủ 5 năm là ngày đủ thời gian tham gia bảo hiểm liên tục 5 năm được ghi trên thẻ. (Ngày ghi trên thẻ gồm 8 ký tự: 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày. Ví dụ ngày sinh: 20161009 là ngày 09 tháng 10 năm 2016). |  |
|  | MA\_NOICHUYENDEN | Chuỗi | 10 | Mã nơi chuyển đến |  |
|  | LYDODENKHAM | Chuỗi | 1024 | Lý do đến khám |  |
|  | TINHTRANGVAOVIEN | Số | 1 | Tình trạng vào viện (1: Đúng tuyến , 2: Cấp cứu, 3 : Trái tuyến) | true |
|  | SOKHAMBENH | Chuỗi | 50 | Số khám bệnh của bệnh nhân |  |
|  | SODIENTHOAI\_LH | Chuỗi | 25 | Số điện thoại liên hệ |  |
|  | NGUOILIENHE | Chuỗi | 255 | Tên người liên hệđược để trong thẻ CDATA .  Ví dụ: <![CDATA[NGUOILIENHE]]> |  |
|  | MA\_KHUVUC | Số | 1 | 1: Khu vực khó khăn,2: Đặc biệt khó khăn,3: Huyện đảo, Xã đảo |  |

Thẻ PHIEUCHUYENTUYEN

<PHIEUCHUYENTUYEN>

<MA\_LK>20151212000583</MA\_LK>

<COQUANCHUQUAN>1</COQUANCHUQUAN>

<MACSKCBDI>1</MACSKCBDI>

<TENCSKCBDI>CSYT 1</TENCSKCBDI>

<MACSKCBDEN>2</MACSKCBDEN>

<TENCSKCBDEN>CSYT 2</TENCSKCBDEN>

<SOHOSO>1</SOHOSO>

<SOCHUYENTUYEN>12</SOCHUYENTUYEN>

<SOGIAY>123</SOGIAY>

<HO\_TEN><![CDATA[Nguyen Van A]]></HO\_TEN>

<GIOI\_TINH>1</GIOI\_TINH>

<NAM\_SINH>19800309</NAM\_SINH>

<DIA\_CHI><![CDATA[Cau Giay - Ha noi]]></DIA\_CHI>

<DAN\_TOC>1</DAN\_TOC>

<QUOC\_TICH>1</QUOC\_TICH>

<NGHE\_NGHIEP>CNTT</NGHE\_NGHIEP>

<NOI\_LAMVIEC>Tong cong ty A</NOI\_LAMVIEC>

<MA\_THE>HS7790900400912</MA\_THE>

<GT\_THE\_TU>20121002</GT\_THE\_TU>

<GT\_THE\_DEN>20150930</GT\_THE\_DEN>

<KHAMDIEUTRITAI>1</KHAMDIEUTRITAI>

<KHAM\_TUNGAY>20150930</KHAM\_TUNGAY>

<KHAM\_DENNGAY>20150930</KHAM\_DENNGAY>

<TUYENTRUOC\_CHUYENDEN>3</TUYENTRUOC\_CHUYENDEN>

<NGAY\_CHUYENDEN>201509301330</NGAY\_CHUYENDEN>

<SO\_CHUYENDEN>5321</SO\_CHUYENDEN>

<DAUHIEU\_LAMSANG>Met moi</DAUHIEU\_LAMSANG>

<XETNGHIEM>Xet nghiem</XETNGHIEM>

<CHUANDOAN>Dau lung</CHUANDOAN>

<PHUONGPHAP\_DTRI>Phuong phap dieu tri</PHUONGPHAP\_DTRI>

<TINHTRANGCHUYEN>Tình trạng chuyển</TINHTRANGCHUYEN>

<LYDO\_CHUYEN>1</LYDO\_CHUYEN>

<HUONG\_DTRI>Huong dieu tri</HUONG\_DTRI>

<NGAY\_CHUYENTUYEN>201509291350</NGAY\_CHUYENTUYEN>

<PHUONGTIEN\_CHUYEN>Oto</PHUONGTIEN\_CHUYEN>

<THONGTIN\_HOTONG>Nguyen Van B</THONGTIN\_HOTONG>

<BACSY\_DTRI>abc</BACSY\_DTRI>

<TENFILE><![CDATA[a.xml]]></TENFILE>

<LOAIFILE></LOAIFILE>

<NOIDUNG\_FILE></NOIDUNG\_FILE>

</PHIEUCHUYENTUYEN>

* Mô tả thông tin thẻ:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên thẻ** | **Kiểu dữ liệu** | **Kích thước tối đa** | **Diễn giải** | **Bắt buộc nhập** |
|  | MA\_LK | Chuỗi | 100 | Mã đợt điều trị duy nhất (dùng để liên kết giữa bảng tổng hợp (bảng 1) và các bảng chi tiết (bảng 2 đến bảng 5) trong 1 lần khám bệnh, chữa bệnh . | true |
|  | COQUANCHUQUAN | Chuỗi | 50 | Mã cơ quan chủ quản |  |
|  | MACSKCBDI | Chuỗi | 10 | Mã CSKCB chuyển đi | true |
|  | TENCSKCBDI | Chuỗi | 255 | Tên CSKCB chuyển đi | true |
|  | MACSKCBDEN | Chuỗi | 10 | Mã CSKCB chuyển đến | true |
|  | TENCSKCBDEN | Chuỗi | 255 | Tên CSKCB chuyển đến | true |
|  | SOHOSO | Chuỗi | 30 | Số hồ sơ lưu trữ | true |
|  | SOCHUYENTUYEN | Chuỗi | 30 | Số chuyển tuyến CSKCB lưu trữ |  |
|  | SOGIAY | Chuỗi | 30 | Số giấy do CSKCB lưu trữ |  |
|  | HO\_TEN | Chuỗi | 50 | Họ tên người bệnhđược để trong thẻ CDATA .  Ví du: <![CDATA[HO\_TEN]]> | true |
|  | GIOI\_TINH | Số | 1 | Giới tính; Mã hóa (1 : Nam; 2 : Nữ) | true |
|  | NAM\_SINH | Chuỗi | 8 | Ngày sinh ghi trên thẻ gồm 8 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày (nếu không có ngày sinh thì năm sinh: 4 ký tự) | true |
|  | DIA\_CHI | Chuỗi | 500 | Địa chỉ ghi trên thẻ BHYT, trẻ em không có thẻ ghi địa chỉ (xã, huyện, tỉnh) trên giấy tờ thay thế được để trong thẻ CDATA .  Ví du: <![CDATA[DIA\_CHI]]> | true |
|  | DAN\_TOC | Chuỗi | 3 | Dân tộc |  |
|  | QUOC\_TICH | Chuỗi | 3 | Quốc tịch |  |
|  | NGHE\_NGHIEP | Chuỗi | 255 | Thông tin nghề nghiệp |  |
|  | NOI\_LAMVIEC | Chuỗi | 255 | Thông tin nơi làm việc |  |
|  | MA\_THE | Chuỗi | 15 | Số thẻ BHYT:   * Nếu bệnh nhân khám bảo hiểm thì bắt buộc phải nhập. * Trường hợp bệnh nhân không khám bảo hiểm thì không nhập trường MA\_THE, MA\_KCBBD, TU\_NGAY, DEN\_NGAY, NGAYDU5NAM. |  |
|  | GT\_THE\_TU | Chuỗi | 8 | Giá trị hiệu tự từ ngày, ghi trên thẻ gồm 8 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày (nếu không có ngày sinh thì năm sinh: 4 ký tự).   * Nếu bệnh nhân khám bảo hiểm thì bắt buộc phải nhập. * Trường hợp bệnh nhân không khám bảo hiểm thì không nhập trường MA\_THE, MA\_KCBBD, TU\_NGAY, DEN\_NGAY, NGAYDU5NAM. |  |
|  | GT\_THE\_DEN | Chuỗi | 8 | Giá trị hiệu tự đến ngày, ghi trên thẻ gồm 8 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày (nếu không có ngày sinh thì năm sinh: 4 ký tự).   * Nếu bệnh nhân khám bảo hiểm thì bắt buộc phải nhập. * Trường hợp bệnh nhân không khám bảo hiểm thì không nhập trường MA\_THE, MA\_KCBBD, TU\_NGAY, DEN\_NGAY, NGAYDU5NAM. |  |
|  | KHAMDIEUTRITAI | Chuỗi | 255 | Tên cơ sở khám chữa bệnh | true |
|  | KHAM\_TUNGAY | Chuỗi | 8 | Giá trị hiệu tự từ ngày, ghi trên thẻ gồm 8 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày (nếu không có ngày sinh thì năm sinh: 4 ký tự) |  |
|  | KHAM\_DENNGAY | Chuỗi | 8 | Giá trị hiệu tự đến ngày, ghi trên thẻ gồm 8 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày (nếu không có ngày sinh thì năm sinh: 4 ký tự) |  |
|  | TUYENTRUOC\_CHUYENDEN | Chuỗi | 20 | Tên tuyến trước khi chuyển đến |  |
|  | NGAY\_CHUYENDEN | Chuỗi | 8 | Ngày chuyển đến, ghi trên thẻ gồm 8 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày (nếu không có ngày sinh thì năm sinh: 4 ký tự) |  |
|  | SO\_CHUYENDEN | Chuỗi | 30 | Số giấy chuyển đến |  |
|  | DAUHIEU\_LAMSANG | Chuỗi | 1024 | Dấu hiệu lâm sàng |  |
|  | XETNGHIEM | Chuỗi | 1024 | Kết quả xét nghiệm |  |
|  | CHUANDOAN | Chuỗi | 1024 | Kết quả chuẩn đoán |  |
|  | PHUONGPHAP\_DTRI | Chuỗi | 1024 | Phương pháp điều trị |  |
|  | TINHTRANGCHUYEN | Chuỗi | 1024 | Tình trạng chuyển |  |
|  | LYDO\_CHUYEN | Số | 1 | Lý do chuyến tuyến (1. Đủ điều kiện truyển tuyến, 2. Theo yêu cầu của người bệnh hoặc người đại diện hợp pháp của người bệnh.) | true |
|  | HUONG\_DTRI | Chuỗi | 1024 | Hướng điều trị |  |
|  | NGAY\_CHUYENTUYEN | Chuỗi | 12 | Ngày chuyển tuyến, ghi trên thẻ gồm 12 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày + 2 ký tự giờ (24 giờ) + 2 ký tự phút. | true |
|  | PHUONGTIEN\_CHUYEN | Chuỗi | 1024 | Phương tiện chuyển |  |
|  | THONGTIN\_HOTONG | Chuỗi | 1024 | Thông tin người hộ tống |  |
|  | BACSY\_DTRI | Chuỗi | 255 | Bác sỹ điều trị |  |
|  | TENFILE | Chuỗi | 50 | Tên file đính kèmđược để trong thẻ CDATA .  Ví du: <![CDATA[TENFILE]]> |  |
|  | LOAIFILE | Chuỗi | 50 | Loại file: PDF, JPG |  |
|  | NOIDUNG\_FILE | Chuỗi |  | String base64 của nội dung file |  |

Thẻ TONG\_HOP

<TONG\_HOP>

<MA\_LK>20151212000583</MA\_LK>

<MA\_CSKCB>79032</MA\_CSKCB>

<STT>1</STT>

<MA\_BN>123</MA\_BN>

<HO\_TEN><![CDATA[Nguyen Van A]]></HO\_TEN>

<NGAY\_SINH>19800309</NGAY\_SINH>

<GIOI\_TINH>1</GIOI\_TINH>

<DIA\_CHI><![CDATA[Truong tieu hoc Chi Linh]]></DIA\_CHI>

<MA\_THE>HS7790900400912</MA\_THE>

<MA\_DKBD>79032</MA\_DKBD>

<GT\_THE\_TU>2016010</GT\_THE\_TU>

<GT\_THE\_DEN>20161231</GT\_THE\_DEN>

<TEN\_BENH><![CDATA[Dau lung]]></TEN\_BENH>

<MA\_BENH>A00</MA\_BENH>

<MA\_BENHKHAC>A00</MA\_BENHKHAC>

<MA\_LYDO\_VVIEN>3</MA\_LYDO\_VVIEN>

<MA\_NOI\_CHUYEN>1</MA\_NOI\_CHUYEN>

<MA\_TAI\_NAN>1</MA\_TAI\_NAN>

<NGAY\_VAO>201512121422</NGAY\_VAO>

<NGAY\_RA>201512121422</NGAY\_RA>

<SO\_NGAY\_DTRI>10</SO\_NGAY\_DTRI>

<KET\_QUA\_DTRI>1</KET\_QUA\_DTRI>

<TINH\_TRANG\_RV>1</TINH\_TRANG\_RV>

<NGAY\_TTOAN>201512121500</NGAY\_TTOAN>

<MUC\_HUONG>100</MUC\_HUONG>

<T\_THUOC>0</T\_THUOC>

<T\_VTYT>0</T\_VTYT>

<T\_TONGCHI>50000</T\_TONGCHI>

<T\_BNTT>0</T\_BNTT>

<T\_BHTT>50000</T\_BHTT>

<T\_NGUONKHAC>0</T\_NGUONKHAC>

<T\_NGOAIDS>0</T\_NGOAIDS>

<NAM\_QT>2015</NAM\_QT>

<THANG\_QT>12</THANG\_QT>

<MA\_LOAI\_KCB>1</MA\_LOAI\_KCB>

<MA\_KHOA>1</MA\_KHOA>

<MA\_KHUVUC>1</MA\_KHUVUC>

<MA\_PTTT\_QT>1</MA\_PTTT\_QT>

<CAN\_NANG>60</CAN\_NANG>

</TONG\_HOP>

* Mô tả thông tin thẻ

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên thẻ** | **Kiểu dữ liệu** | **Kích thước tối đa** | **Diễn giải** | **Bắt buộc nhập** |
| 1 | MA\_LK | Chuỗi | 100 | Mã đợt điều trị duy nhất (dùng để liên kết giữa bảng tổng hợp (bảng 1) và các bảng chi tiết (bảng 2 đến bảng 5) trong 1 lần khám bệnh, chữa bệnh (PRIMARY KEY)). | true |
| 2 | MA\_CSKCB | Chuỗi | 5 | Mã cơ sở khám chữa bệnh | true |
| 3 | STT | Số | 10 | Từ 1 đến hết trong 1 lần gửi dữ liệu | true |
| 4 | MA\_BN | Chuỗi | 15 | Mã số bệnh nhân quy định tại CSKCB | true |
| 5 | HO\_TEN | Chuỗi | 255 | Họ và tên người bệnh được để trong thẻ CDATA .  Ví du:<![CDATA[HO\_TEN]]> | true |
| 6 | NGAY\_SINH | Chuỗi | 8 | Ngày sinh ghi trên thẻ gồm 8 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày (nếu không có ngày sinh thì năm sinh: 4 ký tự) | true |
| 7 | GIOI\_TINH | Số | 1 | Giới tính; Mã hóa (1 : Nam; 2 : Nữ) | true |
| 8 | DIA\_CHI | Chuỗi | 500 | Địa chỉ ghi trên thẻ BHYT, trẻ em không có thẻ ghi địa chỉ (xã, huyện, tỉnh) trên giấy tờ thay thếbệnh được để trong thẻ CDATA .  Ví du: <![CDATA[DIA\_CHI]]> | true |
| 9 | MA\_THE | Chuỗi | 15 | Mã thẻ BHYT do cơ quan BHXH cấp (trường hợp chưa có thẻ nhưng vẫn được hưởng quyền lợi BHYT, VD: trẻ em, người ghép tạng,...thì mã theo nguyên tắc: mã đối tượng + mã tỉnh + mã huyện + 000 + số thứ tự đối tượng không có thẻ đến khám trong năm.   * Nếu bệnh nhân khám bảo hiểm thì bắt buộc phải nhập. * Trường hợp bệnh nhân không khám bảo hiểm thì không nhập trường MA\_THE, MA\_KCBBD, TU\_NGAY, DEN\_NGAY, NGAYDU5NAM. |  |
| VD: TE1+xx (mã tỉnh)+yy (mã huyện)+000+ zzzzz (số thứ tự trẻ dưới 6 tuổi không có thẻ đến khám trong năm). |
| 10 | MA\_DKBD | Chuỗi | 5 | Mã cơ sở KCB nơi người bệnh đăng ký ban đầu ghi trên thẻ BHYT.   * Nếu bệnh nhân khám bảo hiểm thì bắt buộc phải nhập. * Trường hợp bệnh nhân không khám bảo hiểm thì không nhập trường MA\_THE, MA\_KCBBD, TU\_NGAY, DEN\_NGAY, NGAYDU5NAM. |  |
| 11 | GT\_THE\_TU | Chuỗi | 8 | Thời điểm thẻ có giá trị gồm 8 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày.   * Nếu bệnh nhân khám bảo hiểm thì bắt buộc phải nhập. * Trường hợp bệnh nhân không khám bảo hiểm thì không nhập trường MA\_THE, MA\_KCBBD, TU\_NGAY, DEN\_NGAY, NGAYDU5NAM. |  |
| 12 | GT\_THE\_DEN | Chuỗi | 8 | Thời điểm thẻ hết giá trị gồm 8 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày.   * Nếu bệnh nhân khám bảo hiểm thì bắt buộc phải nhập. * Trường hợp bệnh nhân không khám bảo hiểm thì không nhập trường MA\_THE, MA\_KCBBD, TU\_NGAY, DEN\_NGAY, NGAYDU5NAM. |  |
| 13 | TEN\_BENH | Chuỗi | 255 | Ghi đầy đủ chẩn đoán khi ra việnđược để trong thẻ CDATA .  Ví du: <![CDATA[TEN\_BENH]]> |  |
| 14 | MA\_BENH | Chuỗi | 7 | Mã bệnh chính theo ICD 10 | true |
| 15 | MA\_BENHKHAC | Chuỗi | 255 | Mã bệnh kèm theo theo ICD 10, có nhiều mã ICD được phân cách bằng ký tự chấm phẩy (;) |  |
| 16 | MA\_LYDO\_VVIEN | Số | 1 | Mã hóa đối tượng đến khám BHYT (1 : Đúng tuyến; 2 : Cấp cứu; 3 : Trái tuyến) | true |
| 17 | MA\_NOI\_CHUYEN | Chuỗi | 5 | Mã cơ sở KCB chuyển người bệnh đến (mã do cơ quan BHXH cấp) |  |
| 18 | MA\_TAI\_NAN | Số | 1 | Tai nạn thương tích; Mã hóa tham chiếu bảng 8 (Bảng tai nạn thương tích) |  |
| 19 | NGAY\_VAO | Chuỗi | 12 | Ngày giờ đến khám hoặc nhập viện gồm: 12 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày + 2 ký tự giờ (24 giờ) + 2 ký tự phút | true |
| Ví dụ: ngày 31/03/2015 15:20 được hiển thị là: 201503311520 |
| 20 | NGAY\_RA | Chuỗi | 12 | Ngày giờ ra viện gồm 12 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày + 2 ký tự giờ (24 giờ) + 2 ký tự phút. | true |
| Ví dụ: ngày 05/04/2015 09:20 được hiển thị là: 201504050920 |
| 21 | SO\_NGAY\_DTRI | Số | 3 | Số ngày điều trị thực tế | true |
| 22 | KET\_QUA\_DTRI | Số | 1 | Kết quả điều trị; Mã hóa (1: Khỏi; 2: Đỡ; 3: Không thay đổi; 4: Nặng hơn; 5: Tử vong) |  |
| 23 | TINH\_TRANG\_RV | Số | 1 | Tình trạng ra viện; Mã hóa (1: Ra viện; 2: Chuyển viện; 3: Trốn viện; 4: Xin ra viện) |  |
| 24 | NGAY\_TTOAN | Chuỗi | 12 | Ngày giờ thanh toán gồm 12 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày + 2 ký tự giờ (24 giờ) + 2 ký tự phút | true |
| 25 | MUC\_HUONG | Số | 3 | Ghi mức hưởng tương ứng với quyền lợi được hưởng của người bệnh (trường hợp đúng tuyến ghi 80 hoặc 95 hoặc 100, trái tuyến ghi mức hưởng \* tỷ lệ hưởng tùy theo hạng bệnh viện) | true |
| 26 | T\_THUOC | Số | 15 | Tổng tiền thuốc đã làm tròn số đến đơn vị đồng |  |
| 27 | T\_VTYT | Số | 15 | Tổng tiền vật tư y tế đã làm tròn số đến đơn vị đồng |  |
| 28 | T\_TONGCHI | Số | 15 | Tổng chi phí trong lần/đợt điều trị | true |
| 29 | T\_BNTT | Số | 15 | Số tiền người bệnh thanh toán (bao gồm phần cùng trả và tự trả), định dạng số | true |
| 30 | T\_BHTT | Số | 15 | Số tiền đề nghị BHXH thanh toán | true |
| 31 | T\_NGUONKHAC | Số | 15 | Số tiền người bệnh được các nguồn tài chính khác hỗ trợ | true |
| 32 | T\_NGOAIDS | Số | 15 | Chi phí ngoài định suất | true |
| 33 | NAM\_QT | Số | 4 | Năm đề nghị BHXH thanh toán | true |
| 34 | THANG\_QT | Số | 2 | Tháng đề nghị BHXH thanh toán | true |
| 35 | MA\_LOAI\_KCB | Số | 1 | Mã hóa hình thức KCB (1: Khám bệnh; 2: Điều trị ngoại trú; 3: Điều trị nội trú) | true |
| 36 | MA\_KHOA | Chuỗi | 20 | Nếu bệnh nhân điều trị ở nhiều khoa thì ghi mã khoa tổng kết hồ sơ bệnh án |  |
| 37 | MA\_CSKCB | Chuỗi | 5 | Mã cơ sở KCB nơi điều trị (Mã do cơ quan BHXH cấp) | true |
| 38 | MA\_KHUVUC | Chuỗi | 2 | Ghi mã nơi sinh sống trên thẻ "K1/K2/K3" |  |
| 39 | MA\_PTTT\_QT | Chuỗi | 255 | Mã phẫu thuật thủ thuật Quốc tế theo ICD 9 CM Vol 3 cho phẫu thuật thủ thuật (Triển khai sau khi Bộ Y tế ban hành bảng tham chiếu và có văn bản chỉ đạo. Nếu có nhiều PTTT thì mỗi mã cách nhau bởi dấu chấm phẩy (;) |  |
| 40 | CAN\_NANG | Số | 5 | Chỉ thu thập với các bệnh nhân là trẻ em dưới 1 tuổi. |  |
| Là số kilogam (kg) cân nặng của trẻ em khi vào viện |
| Số thập phân, dấu thập phân là dấu phẩy (,) |
| Ghi đến 2 chữ số sau dấu thập phân (vd: 5,75 là 5,75 kg) |

Thẻ CHECKOUT

<CHECKOUT>

{Dữ liệu XML thẻ PHIEUCHUYENTUYEN}

{Dữ liệu XML thẻ TONG\_HOP}

{Dữ liệu XML thẻ THONGTINCHITIET}

</CHECKOUT>

Thẻ THONGTINCHITIET

<THONGTINCHITIET>

<DSACH\_CHI\_TIET\_THUOC>

<CHI\_TIET\_THUOC>

<MA\_LK>20151212000583</MA\_LK>

<STT>1</STT>

<MA\_THUOC>1</MA\_THUOC>

<MA\_NHOM>A</MA\_NHOM>

<TEN\_THUOC><![CDATA[Thuoc 1]]></TEN\_THUOC>

<DON\_VI\_TINH>vien</DON\_VI\_TINH>

<HAM\_LUONG><![CDATA[1111]]></HAM\_LUONG>

<DUONG\_DUNG>Abc</DUONG\_DUNG>

<LIEU\_DUNG><![CDATA[12]]></LIEU\_DUNG>

<SO\_DANG\_KY>12345</SO\_DANG\_KY>

<SO\_LUONG>122</SO\_LUONG>

<DON\_GIA>2222222</DON\_GIA>

<TYLE\_TT>111</TYLE\_TT>

<THANH\_TIEN>3333333</THANH\_TIEN>

<MA\_KHOA>1</MA\_KHOA>

<MA\_BAC\_SI>abc</MA\_BAC\_SI>

<MA\_BENH>A00</MA\_BENH>

<NGAY\_YL>201603091530</NGAY\_YL>

<MA\_PTTT>1</MA\_PTTT>

</CHI\_TIET\_THUOC>

</DSACH\_CHI\_TIET\_THUOC>

<DSACH\_CHI\_TIET\_DVKT>

<CHI\_TIET\_DVKT>

<MA\_LK>20151212000583</MA\_LK>

<STT>1</STT>

<MA\_DICH\_VU>1</MA\_DICH\_VU>

<MA\_VAT\_TU>1</MA\_VAT\_TU>

<MA\_NHOM>1</MA\_NHOM>

<TEN\_DICH\_VU><![CDATA[abc]]></TEN\_DICH\_VU>

<DON\_VI\_TINH>cai</DON\_VI\_TINH>

<SO\_LUONG>1</SO\_LUONG>

<DON\_GIA>111111</DON\_GIA>

<TYLE\_TT>111</TYLE\_TT>

<THANH\_TIEN>11111111</THANH\_TIEN>

<MA\_KHOA>1</MA\_KHOA>

<MA\_BAC\_SI>abc</MA\_BAC\_SI>

<MA\_BENH>123</MA\_BENH>

<NGAY\_YL>201603091530</NGAY\_YL>

<NGAY\_KQ>201603091530</NGAY\_KQ>

<MA\_PTTT>1</MA\_PTTT>

</CHI\_TIET\_DVKT>

</DSACH\_CHI\_TIET\_DVKT>

<DSACH\_CHI\_TIET\_DIEN\_BIEN\_BENH>

<CHI\_TIET\_DIEN\_BIEN\_BENH>

<MA\_LK>20151212000583</MA\_LK>

<STT>1</STT>

<DIEN\_BIEN><![CDATA[Diễn biến bệnh]]></DIEN\_BIEN>

<HOI\_CHAN><![CDATA[Hội chẩn]]></HOI\_CHAN>

<PHAU\_THUAT><![CDATA[Kết quả phẫu thuật]]></PHAU\_THUAT>

<NGAY\_YL>201603091530</NGAY\_YL>

</CHI\_TIET\_DIEN\_BIEN\_BENH>

</DSACH\_CHI\_TIET\_DIEN\_BIEN\_BENH>

<DSACH\_CHI\_TIET\_CLS>

<CHI\_TIET\_CLS>

<MA\_LK>20151212000583</MA\_LK>

<STT>1</STT>

<MA\_DICH\_VU>1</MA\_DICH\_VU>

<MA\_CHI\_SO>1</MA\_CHI\_SO>

<TEN\_CHI\_SO><![CDATA[Chỉ số 1]]></TEN\_CHI\_SO>

<GIA\_TRI><![CDATA[1]]></GIA\_TRI>

<MA\_MAY>11</MA\_MAY>

<MO\_TA><![CDATA[bac]]></MO\_TA>

<KET\_LUAN><![CDATA[abc]]></KET\_LUAN>

<NGAY\_KQ>201603091530</NGAY\_KQ>

</CHI\_TIET\_CLS>

</DSACH\_CHI\_TIET\_CLS>

</THONGTINCHITIET>

* Mô tả thông tin thẻ:

Danh sách chi tiết thuốc (<DS\_CHITIETTHUOC>)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên thẻ** | **Kiểu dữ liệu** | **Kích thước tối đa** | **Diễn giải** | **Bắt buộc nhập** |
| 1 | MA\_LK | Chuỗi | 100 | Mã đợt điều trị duy nhất (Dùng để liên kết giữa bảng tổng hợp (Bảng 1) và bảng này trong 1 lần khám bệnh, chữa bệnh). | true |
| 2 | STT | Số | 6 | Từ 1 đến hết trong 1 lần gửi dữ liệu |  |
| 3 | MA\_THUOC | Chuỗi | 50 | Mã thuốc theo mã quy định tại Bộ mã danh mục dùng chung của Bộ Y tế | true |
| 4 | MA\_NHOM | Chuỗi | 4 | Dùng để phân loại, sắp xếp các chi phí vào các mục tương ứng tham chiếu phụ lục Bảng 6 |  |
| 5 | TEN\_THUOC | Chuỗi | 255 | Tên thuốc ghi đúng theo danh mục thuốc đăng ký Cục QLD công bốđược để trong thẻ CDATA .  Ví du: <![CDATA[TEN\_THUOC]]> | true |
| 6 | DON\_VI\_TINH | Chuỗi | 50 | Đơn vị tính ghi đúng theo danh mục thuốc đăng ký Cục QLD công bố | true |
| 7 | HAM\_LUONG | Chuỗi | 1024 | Hàm lượng ghi đúng theo danh mục thuốc đăng ký Cục QLD công bốđược để trong thẻ CDATA .  Ví du: <![CDATA[HAM\_LUONG]]> | true |
| 8 | DUONG\_DUNG | Chuỗi | 1024 | Đường dùng ghi theo mã quy định tại bộ mã danh mục dùng chung của Bộ Y tế | true |
| 9 | LIEU\_DUNG | Chuỗi | 1024 | Liều dùng trong ngàyđược để trong thẻ CDATA .  Ví du: <![CDATA[LIEU\_DUNG]]> |  |
| 10 | SO\_DANG\_KY | Chuỗi | 255 | Số đăng ký của thuốc theo danh mục thuốc đăng ký Cục QLD công bố | true |
| 11 | SO\_LUONG | Số | 5 | Số lượng thực tế sử dụng làm tròn đến 2 chữ số thập phân | true |
| 12 | DON\_GIA | Số | 15 | Đơn giá thanh toán BHYT làm tròn đến đơn vị đồng | true |
| 13 | TYLE\_TT | Số | 3 | Tỷ lệ thanh toán BHYT đối với thuốc có quy định tỷ lệ (%); Số nguyên dương |  |
| 14 | THANH\_TIEN | Số | 15 | = so\_luong \* don\_gia \* tyle\_tt hoặc số tiền đề nghị cơ quan BHXH thanh toán (làm tròn đến đơn vị đồng) |  |
| 15 | MA\_KHOA | Chuỗi | 20 | Mã khoa bệnh nhân được chỉ định sử dụng thuốc (tham chiếu phụ lục Bảng 7) |  |
| 16 | MA\_BAC\_SI | Chuỗi | 255 | Mã hóa theo số chứng chỉ hành nghề của người chỉ định |  |
| 17 | MA\_BENH | Chuỗi | 255 | Mã bệnh chính; nếu có các bệnh khác kèm theo ghi các mã bệnh tương ứng, cách nhau bằng dấu chấm phẩy (;) |  |
| 18 | NGAY\_YL | Chuỗi | 12 | Ngày ra y lệnh (gồm 12 ký tự, theo cấu trúc: yyyymmddHHmm = 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày + 2 ký tự giờ (24 giờ) + 2 ký tự phút) |  |
| Ví dụ: ngày 31/03/2015 15:20 được hiển thị là: 201503311520 |
| 19 | MA\_PTTT | Số | 1 | Mã phương thức thanh toán (0 : Phí dịch vụ; 1 : định suất; 2 : ngoài định suất; 3 : DRG) |  |

Danh sách DVKT (<DS\_DVKT>)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên thẻ** | **Kiểu dữ liệu** | **Kích thước tối đa** | **Diễn giải** | **Bắt buộc nhập** |
| 1 | MA\_LK | Chuỗi | 100 | Mã đợt điều trị duy nhất (dùng để liên kết giữa bảng tổng hợp (Bảng 1) và bảng này trong 1 lần khám bệnh, chữa bệnh). | true |
| 2 | STT | Số | 6 | Từ 1 đến hết trong 1 lần gửi dữ liệu | true |
| 3 | MA\_DICH\_VU | Chuỗi | 15 | Mã dịch vụ quy định tại Bộ mã danh mục dùng chung của Bộ Y tế |  |
| 4 | MA\_VAT\_TU | Chuỗi | 255 | Mã vật tư sử dụng quy định tại Bộ mã danh mục dùng chung của Bộ Y tế, chỉ ghi các vật tư chưa có trong cơ cấu giá dịch vụ |  |
| 5 | MA\_NHOM | Chuỗi | 4 | Dùng để phân loại, sắp xếp các chi phí vào các mục tương ứng tham chiếu phụ lục Bảng 6 |  |
| 6 | TEN\_DICH\_VU | Chuỗi | 255 | Tên dịch vụđược để trong thẻ CDATA .  Ví du: <![CDATA[TEN\_DICH\_VU]]> | true |
| 7 | DON\_VI\_TINH | Chuỗi | 50 | Đơn vị tính |  |
| 8 | SO\_LUONG | Số | 5 | Số lượng thực tế sử dụng làm tròn đến 2 chữ số thập phân | true |
| 9 | DON\_GIA | Số | 15 | Đơn giá thanh toán BHYT làm tròn đến đơn vị đồng | true |
| 10 | TYLE\_TT | Số | 3 | Tỷ lệ thanh toán BHYT đối với dịch vụ kỹ thuật, vật tư y tế có quy định (tỷ lệ %; Số nguyên dương) |  |
| 11 | THANH\_TIEN | Số | 15 | = so\_luong \* don\_gia \* tyle\_tt hoặc số tiền đề nghị cơ quan BHXH thanh toán (làm tròn đến đơn vị đồng) |  |
| 12 | MA\_KHOA | Chuỗi | 20 | Mã khoa nơi phát sinh dịch vụ (tham chiếu phụ lục Bảng 7) |  |
| 13 | MA\_BAC\_SI | Chuỗi | 20 | Bác sỹ khám và chỉ định (mã hóa theo số giấy phép hành nghề) |  |
| 14 | MA\_BENH | Chuỗi | 255 | Mã bệnh chính (theo ICD 10) được bác sỹ chẩn đoán, nếu có các bệnh khác kèm theo ghi các mã bệnh tương ứng, cách nhau bằng dấu chấm phẩy (;) |  |
| 15 | NGAY\_YL | Chuỗi | 12 | Ngày ra y lệnh (gồm 12 ký tự, theo cấu trúc: yyyymmddHHmm = 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày + 2 ký tự giờ (24 giờ) + 2 ký tự phút) |  |
| Ví dụ: ngày 31/03/2015 15:20 được hiển thị là: 201503311520 |  |
| 16 | NGAY\_KQ | Chuỗi | 12 | Ngày có kết quả (gồm 12 ký tự, theo cấu trúc: yyyymmddHHmm = 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày + 2 ký tự giờ (24 giờ) + 2 ký tự phút) |  |
| Ví dụ: ngày 31/03/2015 15:20 được hiển thị là: 201503311520 |  |
| 17 | MA\_PTTT | Số | 1 | Mã phương thức thanh toán (0 : Phí dịch vụ; 1 : định suất; 2 : ngoài định suất; 3 : DRG) |  |

Danh sách diễn biến bệnh (<DS\_DIENBIEN\_CLS>)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên thẻ** | **Kiểu dữ liệu** | **Kích thước tối đa** | **Diễn giải** | **Bắt buộc nhập** |
| 1 | MA\_LK | Chuỗi | 100 | Mã đợt điều trị duy nhất (dùng để liên kết giữa bảng tổng hợp (Bảng 1) và bảng này trong 1 lần khám bệnh, chữa bệnh). | true |
| 2 | STT | Số | 3 | Từ 1 đến hết trong 1 lần gửi dữ liệu | true |
| 3 | DIEN\_BIEN | Chuỗi | 1024 | Ghi diễn biến bệnh trong lần khámđược để trong thẻ CDATA .  Ví du: <![CDATA[DIEN\_BIEN]]> |  |
| 4 | HOI\_CHAN | Chuỗi | 1024 | Ghi kết quả hội chẩn (nếu có)được để trong thẻ CDATA .  Ví du: <![CDATA[HOI\_CHAN]]> |  |
| 5 | PHAU\_THUAT | Chuỗi | 1024 | Mô tả cách thức phẫu thuậtđược để trong thẻ CDATA .  Ví du: <![CDATA[PHAU\_THUAT]]> |  |
| 6 | NGAY\_YL | Chuỗi | 12 | Ngày ra y lệnh (gồm 13 ký tự, theo cấu trúc: yyyymmddHHmm = 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày + 2 ký tự giờ (24 giờ) + 2 ký tự phút) |  |
| Ví dụ: ngày 31/03/2015 15:20 được hiển thị là: 201503311520 |

Danh sách chi tiết cận lâm sàng (<DS\_CHITIET\_CLS>)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên thẻ** | **Kiểu dữ liệu** | **Kích thước tối đa** | **Diễn giải** | **Bắt buộc nhập** |
| 1 | MA\_LK | Chuỗi | 100 | Mã đợt điều trị duy nhất (dùng để liên kết giữa bảng tổng hợp (Bảng 1) và bảng này trong 1 lần khám bệnh, chữa bệnh). | true |
| 2 | STT | Số | 6 | Từ 1 đến hết trong 1 lần gửi dữ liệu | true |
| 3 | MA\_DICH\_VU | Chuỗi | 15 | Mã dịch vụ kỹ thuật CLS | true |
| 4 | MA\_CHI\_SO | Chuỗi | 50 | Mã chỉ số xét nghiệm |  |
| 5 | TEN\_CHI\_SO | Chuỗi | 255 | Tên chỉ số xét nghiệmđược để trong thẻ CDATA .  Ví du: <![CDATA[TEN\_CHI\_SO]]> |  |
| 6 | GIA\_TRI | Chuỗi | 255 | Giá trị chỉ số (kết quả xét nghiệm)được để trong thẻ CDATA .  Ví du: <![CDATA[GIA\_TRI]]> |  |
| 7 | MA\_MAY | Chuỗi | 255 | Mã danh mục máy CLS (máy XN, máy XQ, siêu âm...) |  |
| 8 | MO\_TA | Chuỗi | 1024 | Mô tả do người đọc kết quả ghiđược để trong thẻ CDATA .  Ví du: <![CDATA[MO\_TA]]> |  |
| 9 | KET\_LUAN | Chuỗi | 1024 | Kết luận của người đọc kết quảđược để trong thẻ CDATA .  Ví du: <![CDATA[KET\_LUAN]]> |  |
| 10 | NGAY\_KQ | Chuỗi | 12 | Ngày có kết quả (gồm 12 ký tự, theo cấu trúc: yyyymmddHHmm = 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày + 2 ký tự giờ (24 giờ) + 2 ký tự phút) |  |
| Ví dụ: ngày 31/03/2015 15:20 được hiển thị là: 201503311520 |

Thẻ TC\_TT\_THE

<TC\_TT\_THE>

<MA\_THE></MA\_THE>

</TC\_TT\_THE>

* Mô tả thông tin thẻ:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên thẻ** | **Diễn giải** |
| 1 | MA\_THE | Mã thẻ BHYT |

Thẻ PT\_THEBHYT

<PT\_THEBHYT>

<THE\_BHYT>12345</THE\_BHYT>

<HOTEN><![CDATA[Nguyễn Văn A]]></HOTEN>

<GIOITINH>1</GIOITINH>

<NGAYSINH>20160217</NGAYSINH>

<NOI\_DKKHAM>dfgdfg</NOI\_DKKHAM>

<MA\_NOI\_DKKHAM>234</MA\_NOI\_DKKHAM>

<HANSUDUNG\_TUNGAY>20160201</HANSUDUNG\_TUNGAY>

<HANSUDUNG\_DENNGAY>20160229</HANSUDUNG\_DENNGAY>

</PT\_THEBHYT>

* Mô tả thông tin thẻ

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên Thẻ | Kiểu dữ liệu | Kích thước tối đa | Ghi chú | Bắt buộc nhập |
| 1 | THE\_BHYT | Chuỗi | 15 | Mã thẻ | true |
| 2 | HOTEN | Chuỗi | 50 | Họ tên chủ thẻđược để trong thẻ CDATA .  Ví du: <![CDATA[HO\_TEN]]> | true |
| 3 | GIOITINH | Số | 1 | 1: Nam ; 2: Nữ | true |
| 4 | NGAYSINH | Chuỗi | 8 | Ngày có kết quả (gồm 12 ký tự, theo cấu trúc: yyyymmddHHmm = 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày | true |
| 5 | NOI\_DKKHAM | Chuỗi | 100 | Nơi đăng ký khám | true |
| 6 | MA\_NOI\_DKKHAM | Chuỗi | 5 | Mã nơi đăng ký khám | true |
| 7 | HANSUDUNG\_TUNGAY | Chuỗi | 8 | Ngày bắt đầu:  Ngày có kết quả (gồm 12 ký tự, theo cấu trúc: yyyymmddHHmm = 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày) | true |
| 8 | HANSUDUNG\_DENNGAY | Chuỗi | 8 | Ngyaf kết thúc:  Ngày có kết quả (gồm 12 ký tự, theo cấu trúc: yyyymmddHHmm = 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày) | true |

Thẻ TTKT\_THE

<TTKT\_THE>

<MA\_TTKT\_THE>00</MA\_TTKT\_THE>

<MOTA>Thông tin thẻ chính xác</MOTA>

</TTKT\_THE>

* Mô tả thông tin thẻ:

|  |  |
| --- | --- |
| Mã thông tin kiêm tra thẻ  <MA\_TTKT\_THE> | Mô tả  <MOTA> |
| 00 | Thông tin thẻ chính xác |
| 01 | Thẻ hết giá trị sử dụng |
| 02 | KCB khi chưa đến hạn |
| 03 | Hết hạn thẻ khi chưa ra viện |
| 04 | Thẻ có giá trị khi đang nằm viện |
| 05 | Mã thẻ không có trong dữ liệu thẻ |
| 06 | Thẻ sai họ tên |
| 07 | Thẻ sai ngày sinh |
| 08 | Thẻ sai giới tính |
| 09 | Thẻ sai nơi đăng ký KCB ban đầu |

Thẻ TTCV

<TTCV>

<MA\_THE>12345</MA\_THE>

<MA\_CSKCBDI>143</MA\_CSKCBDI>

<MA\_CSKCBDEN>234</MA\_CSKCBDEN>

</TTCV>

* Mô tả thông tin thẻ:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên Thẻ | Kiểu dữ liệu | Kích thước tối đa | Ghi chú | Bắt buộc nhập |
| 1 | MA\_THE | Chuỗi | 15 | Mã thẻ bệnh nhân | true |
| 2 | MA\_CSKCBDI | Chuỗi | 10 | Mã CSKCB chuyển đi (Quy định 5084) | true |
| 3 | MA\_CSKCBDEN | Chuỗi | 10 | Mã CSKCB chuyển đến (Quy định 5084) | true |

Thẻ TC\_LSKCB

<TC\_LSKCB>

<MA\_THE>12345</MA\_THE>

</TC\_LSKCB >

* Mô tả thông tin thẻ

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên Thẻ | Diễn giải | Ghi chú |
| 1 | MA\_THE | Mã thẻ | Mã thẻ bệnh nhân |

Thẻ TT\_LSKCB

<TT\_LSKCB>

<KHAM\_BENH>

<STT>1</STT>

<MA\_BN>12</MA\_BN>

<HOTEN><![CDATA[Nguyễn Văn A]]></HOTEN>

<NGAYSINH>20160217</NGAYSINH>

<GIOITINH>1</GIOITINH>

<DIACHI><![CDATA[Số 1]]></DIACHI>

<MA\_THE>Số 1</MA\_THE>

<MA\_DKBD>Số 1</MA\_DKBD>

<GT\_THE\_TU>20160202</GT\_THE\_TU>

<GT\_THE\_DEN>20160217</GT\_THE\_DEN>

<TEN\_BENH><![CDATA[Bệnh a]]></TEN\_BENH>

<MA\_BENH></MA\_BENH>

<MA\_BENH\_KHAC></MA\_BENH\_KHAC>

<MA\_LYDO\_VVIEN></MA\_LYDO\_VVIEN>

<MA\_NOI\_CHUYEN></MA\_NOI\_CHUYEN>

<MA\_TAI\_NAN></MA\_TAI\_NAN>

<NGAY\_VAO>201602011700</NGAY\_VAO>

<NGAY\_RA>201602021700</NGAY\_RA>

<SO\_NGAY\_DTRI></SO\_NGAY\_DTRI>

<KET\_QUA\_DTRI></KET\_QUA\_DTRI>

<TINH\_TRANG\_RV></TINH\_TRANG\_RV>

<NGAY\_TTOAN>201602021700</NGAY\_TTOAN>

<MUC\_HUONG></MUC\_HUONG>

<T\_THUOC></T\_THUOC>

<T\_VTYT></T\_VTYT>

<T\_TONGCHI></T\_TONGCHI>

<T\_BNTT></T\_BNT>

<T\_BHTT></T\_BHTT>

<T\_NGUONKHAC></T\_NGUONKHAC>

<T\_NGOAIDS></T\_NGOAIDS>

<NAM\_QT></NAM\_QT>

<THANG\_QT></THANG\_QT>

<MA\_LOAI\_KCB></MA\_LOAI\_KCB>

<MA\_KHOA></MA\_KHOA>

<MA\_CSKCB></MA\_CSKCB>

<MA\_KHUVUC></MA\_KHUVUC>

<MA\_PTTT\_QT></MA\_PTTT\_QT>

<CAN\_NANG></CAN\_NANG>

</KHAM\_BENH>

………………………………………..

<KHAM\_BENH>

<STT>n</STT>

</KHAM\_BENH>

</TT\_LSKCB>

* Mô tả thông tin thẻ:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên thẻ** | **Kiểu dữ liệu** | **Kích thước tối đa** | **Diễn giải** | **Bắt buộc nhập** |
| 1 | STT | Số | 10 | Từ 1 đến hết trong 1 lần gửi dữ liệu | true |
| 2 | MA\_BN | Chuỗi | 15 | Mã số bệnh nhân quy định tại CSKCB | true |
| 3 | HO\_TEN | Chuỗi | 255 | Họ và tên người bệnhđược để trong thẻ CDATA .  Ví du: <![CDATA[HO\_TEN]]> | true |
| 4 | NGAY\_SINH | Chuỗi | 8 | Ngày sinh ghi trên thẻ gồm 8 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày (nếu không có ngày sinh thì năm sinh: 4 ký tự) | true |
| 5 | GIOI\_TINH | Số | 1 | Giới tính; Mã hóa (1 : Nam; 2 : Nữ) | true |
| 6 | DIA\_CHI | Chuỗi | 500 | Địa chỉ ghi trên thẻ BHYT, trẻ em không có thẻ ghi địa chỉ (xã, huyện, tỉnh) trên giấy tờ thay thếđược để trong thẻ CDATA .  Ví du: <![CDATA[DIA\_CHI]]> | true |
| 7 | MA\_THE | Chuỗi | 15 | Mã thẻ BHYT do cơ quan BHXH cấp (trường hợp chưa có thẻ nhưng vẫn được hưởng quyền lợi BHYT, VD: trẻ em, người ghép tạng,...thì mã theo nguyên tắc: mã đối tượng + mã tỉnh + mã huyện + 000 + số thứ tự đối tượng không có thẻ đến khám trong năm. | true |
| VD: TE1+xx (mã tỉnh)+yy (mã huyện)+000+ zzzzz (số thứ tự trẻ dưới 6 tuổi không có thẻ đến khám trong năm) |
| 8 | MA\_DKBD | Chuỗi | 5 | Mã cơ sở KCB nơi người bệnh đăng ký ban đầu ghi trên thẻ BHYT | true |
| 9 | GT\_THE\_TU | Chuỗi | 8 | Thời điểm thẻ có giá trị gồm 8 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày | true |
| 10 | GT\_THE\_DEN | Chuỗi | 8 | Thời điểm thẻ hết giá trị gồm 8 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày | true |
| 11 | TEN\_BENH | Chuỗi | 255 | Ghi đầy đủ chẩn đoán khi ra việnđược để trong thẻ CDATA .  Ví du: <![CDATA[TEN\_BENH]]> |  |
| 12 | MA\_BENH | Chuỗi | 7 | Mã bệnh chính theo ICD 10 | true |
| 13 | MA\_BENHKHAC | Chuỗi | 255 | Mã bệnh kèm theo theo ICD 10, có nhiều mã ICD được phân cách bằng ký tự chấm phẩy (;) |  |
| 14 | MA\_LYDO\_VVIEN | Số | 1 | Mã hóa đối tượng đến khám BHYT (1 : Đúng tuyến; 2 : Cấp cứu; 3 : Trái tuyến) | true |
| 15 | MA\_NOI\_CHUYEN | Chuỗi | 5 | Mã cơ sở KCB chuyển người bệnh đến (mã do cơ quan BHXH cấp) |  |
| 16 | MA\_TAI\_NAN | Số | 1 | Tai nạn thương tích; Mã hóa tham chiếu bảng 8 (Bảng tai nạn thương tích) |  |
| 17 | NGAY\_VAO | Chuỗi | 12 | Ngày giờ đến khám hoặc nhập viện gồm: 12 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày + 2 ký tự giờ (24 giờ) + 2 ký tự phút | true |
| Ví dụ: ngày 31/03/2015 15:20 được hiển thị là: 201503311520 |
| 18 | NGAY\_RA | Chuỗi | 12 | Ngày giờ ra viện gồm 12 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày + 2 ký tự giờ (24 giờ) + 2 ký tự phút. | true |
| Ví dụ: ngày 05/04/2015 09:20 được hiển thị là: 201504050920 |
| 19 | SO\_NGAY\_DTRI | Số | 3 | Số ngày điều trị thực tế | true |
| 20 | KET\_QUA\_DTRI | Số | 1 | Kết quả điều trị; Mã hóa (1: Khỏi; 2: Đỡ; 3: Không thay đổi; 4: Nặng hơn; 5: Tử vong) |  |
| 21 | TINH\_TRANG\_RV | Số | 1 | Tình trạng ra viện; Mã hóa (1: Ra viện; 2: Chuyển viện; 3: Trốn viện; 4: Xin ra viện) |  |
| 22 | NGAY\_TTOAN | Chuỗi | 8 | Ngày giờ thanh toán gồm 12 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày + 2 ký tự giờ (24 giờ) + 2 ký tự phút | true |
| 23 | MUC\_HUONG | Số | 3 | Ghi mức hưởng tương ứng với quyền lợi được hưởng của người bệnh (trường hợp đúng tuyến ghi 80 hoặc 95 hoặc 100, trái tuyến ghi mức hưởng \* tỷ lệ hưởng tùy theo hạng bệnh viện) | true |
| 24 | T\_THUOC | Số | 15 | Tổng tiền thuốc đã làm tròn số đến đơn vị đồng |  |
| 25 | T\_VTYT | Số | 15 | Tổng tiền vật tư y tế đã làm tròn số đến đơn vị đồng |  |
| 26 | T\_TONGCHI | Số | 15 | Tổng chi phí trong lần/đợt điều trị | true |
| 27 | T\_BNTT | Số | 15 | Số tiền người bệnh thanh toán (bao gồm phần cùng trả và tự trả), định dạng số | true |
| 28 | T\_BHTT | Số | 15 | Số tiền đề nghị BHXH thanh toán | true |
| 29 | T\_NGUONKHAC | Số | 15 | Số tiền người bệnh được các nguồn tài chính khác hỗ trợ | true |
| 30 | T\_NGOAIDS | Số | 15 | Chi phí ngoài định suất | true |
| 31 | NAM\_QT | Số | 4 | Năm đề nghị BHXH thanh toán | true |
| 32 | THANG\_QT | Số | 2 | Tháng đề nghị BHXH thanh toán | true |
| 33 | MA\_LOAI\_KCB | Số | 1 | Mã hóa hình thức KCB (1: Khám bệnh; 2: Điều trị ngoại trú; 3: Điều trị nội trú) | true |
| 34 | MA\_KHOA | Chuỗi | 20 | Nếu bệnh nhân điều trị ở nhiều khoa thì ghi mã khoa tổng kết hồ sơ bệnh án |  |
| 35 | MA\_CSKCB | Chuỗi | 5 | Mã cơ sở KCB nơi điều trị (Mã do cơ quan BHXH cấp) | true |
| 36 | MA\_KHUVUC | Chuỗi | 2 | Ghi mã nơi sinh sống trên thẻ "K1/K2/K3" |  |
| 37 | MA\_PTTT\_QT | Chuỗi | 255 | Mã phẫu thuật thủ thuật Quốc tế theo ICD 9 CM Vol 3 cho phẫu thuật thủ thuật (Triển khai sau khi Bộ Y tế ban hành bảng tham chiếu và có văn bản chỉ đạo. Nếu có nhiều PTTT thì mỗi mã cách nhau bởi dấu chấm phẩy (;) |  |
| 38 | CAN\_NANG | Số | 5 | Chỉ thu thập với các bệnh nhân là trẻ em dưới 1 tuổi. |  |
| Là số kilogam (kg) cân nặng của trẻ em khi vào viện |
| Số thập phân, dấu thập phân là dấu phẩy (,) |
| Ghi đến 2 chữ số sau dấu thập phân (vd: 5,75 là 5,75 kg) |

Thẻ MA\_PHIEU\_DTTHUOC

<MA\_PHIEU\_DTTHUOC>

<MAPHIEU>12</MAPHIEU>

</MA\_PHIEU\_DTTHUOC>

Thẻ TT\_DDT\_THUOC

<TT\_DDT\_THUOC>

<TYT\_ID>12</TYT\_ID>

<MAPHIEU>12</MAPHIEU>

</TT\_DDT\_THUOC>

Thẻ DUYET\_TTDT\_THUOC

<DUYET\_TTDT\_THUOC>

<TTYT\_ID>12</TTYT\_ID>

</DUYET\_TTDT\_THUOC>

* Mô tả thông tin thẻ:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên Thẻ | Diễn giải | Ghi chú |
| 1 | TTYT\_ID | Mã Trung tâm y tế | Mã trung tâm y tếduyệt phiếu |
| 2 | TYT\_ID | Mã trạm y tế | Mã trạm y tế lập phiếu |
| 3 | MAPHIEU | Mã phiếu dự trù thuốc | Mã phiếu dự trù thuốc dùng để tra cứu phiếu dự trù đã được duyệt |

Thẻ PHIEU\_DT\_THUOC

<PHIEU\_DT\_THUOC>

<MAPHIEU>0</MAPHIEU>

<TYT\_ID>12</TYT\_ID>

<TTYT\_ID>12</TTYT\_ID>

<KHO\_TTYT\_ID>0</KHO\_TTYT\_ID>

<TENKHO\_TTYT>12</TENKHO\_TTYT>

<KHO\_TYT\_ID>12</KHO\_TYT\_ID>

<NGAYDUTRU>20160231</NGAYDUTRU>

<GHICHU></GHICHU>

<TRANG\_THAI>0</TRANG\_THAI>

<NGAY\_CN>20160310</NGAY\_CN>

<DS\_DUTRUTHUOC>

<TT\_THUOC>

<THUOC\_ID>1</THUOC\_ID>

<SO\_LUONG>12</SO\_LUONG>

<TYLE\_TTOAN>12</TYLE\_TTOAN>

<NGUON\_CUNG\_UNG></NGUON\_CUNG\_UNG>

<SO\_LUONG\_DUYET>12</SO\_LUONG\_DUYET>

</TT\_THUOC>

………………

………………

<TT\_THUOC>

<THUOC\_ID>n</THUOC\_ID>

<SO\_LUONG>12</SO\_LUONG>

<TYLE\_TTOAN>12</TYLE\_TTOAN>

<NGUON\_CUNG\_UNG></NGUON\_CUNG\_UNG>

<SO\_LUONG\_DUYET>12</SO\_LUONG\_DUYET>

</TT\_THUOC>

</DS\_DUTRUTHUOC>

</PHIEU\_DT\_THUOC>

* Mô tả thông tin thẻ:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên Thẻ | Kiểu dữ liệu | Kích thước tối đa | Ghi chú | Bắt buộc nhập |
| 1 | MAPHIEU | Chuỗi | 30 | Mã phiếu dự trù | true |
| 2 | TYT\_ID | Chuỗi | 30 | Mã trạm y tếlập phiếu | true |
| 3 | TTYT\_ID | Chuỗi | 30 | Mã trung tâm y tếduyệt phiếu | true |
| 4 | KHO\_TTYT\_ID | Chuỗi | 30 | Mã kho Trung tâm y tế | true |
| 5 | TENKHO\_TTYT | Chuỗi | 300 | Tên kho Trung tâm y tế | true |
| 6 | KHO\_TYT\_ID | Chuỗi | 30 | Mã kho trạm y tế | true |
| 7 | NGAYDUTRU | Chuỗi | 8 | Ngày lập phiếu dự trù:  Ngày giờ gồm 12 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày. Ví dụ: ngày 31/03/2015 được hiển thị là: 20150331 | true |
| 8 | GHICHU | Chuỗi | 500 | Ghi chú | true |
| 9 | TRANG\_THAI | Số | 1 | 0: Chưa duyệt, 1: Đã duyệt |  |
| 10 | NGAY\_CN | Chuỗi | 8 | Ngày cập nhật:  Ngày giờ gồm 12 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày. Ví dụ: ngày 31/03/2015 được hiển thị là: 20150331 |  |
| 11 | THUOC\_ID | Chuỗi | 50 | Mã thuốc | true |
| 12 | SO\_LUONG | Số | 10 | Số lượng | true |
| 13 | TYLE\_TTOAN | Số | 3 | Tỷ lệ thanh toán |  |
| 14 | NGUON\_CUNG\_UNG | Chuỗi | 50 | Nguồn cung ứng |  |
| 15 | SO\_LUONG\_DUYET | Số | 10 | Số lượng duyệt |  |

Thẻ KT\_LDT

<KT\_LDT>

<MA\_THE>HS48204064xxxxx</MA\_THE>

</KT\_LDT>

* Mô tả thông tin thẻ:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên Thẻ | Diễn giải | Ghi chú |
| 1 | MA\_THE | Mã thẻ | Mã thẻ BHYT do cơ quan BHXH cấp (trường hợp chưa có thẻ nhưng vẫn được hưởng quyền lợi BHYT, VD: trẻ em, người ghép tạng,...thì mã theo nguyên tắc: mã đối tượng + mã tỉnh + mã huyện + 000 + số thứ tự đối tượng không có thẻ đến khám trong năm. |

Thẻ KQ\_KT\_LDT

<KQ\_KT\_LDT>

<MA\_KQ>1</MA\_KQ>

<MOTA\_KQ>Bệnh nhân còn thuốc của lượt điều trị trước!</MOTA\_KQ>

<KHAM\_BENH>

<STT>1</STT>

<MA\_BN>513735</MA\_BN>

<HOTEN><![CDATA[LÊ VĂN A]]></HOTEN>

<NGAYSINH>20030226</NGAYSINH>

<GIOITINH>2</GIOITINH>

<DIACHI><![CDATA[Xã Mỹ Tân]]></DIACHI>

<MATHE>HS48204064xxxxx</MATHE>

<MA\_DKBD>82083</MA\_DKBD>

<GT\_THE\_TU>20151001</GT\_THE\_TU>

<GT\_THE\_DEN>20161231</GT\_THE\_DEN>

<TEN\_BENH><![CDATA[S61-Vết thương hở ở tay]]></TEN\_BENH>

<MA\_BENH>S61</MA\_BENH>

<MA\_BENH\_KHAC></MA\_BENH\_KHAC>

<MA\_LYDO\_VVIEN>1</MA\_LYDO\_VVIEN>

<MA\_NOI\_CHUYEN></MA\_NOI\_CHUYEN>

<MA\_TAI\_NAN>1</MA\_TAI\_NAN>

<NGAY\_VAO>201604010108</NGAY\_VAO>

<NGAY\_RA>201604010000</NGAY\_RA>

<SO\_NGAY\_DTRI>30</SO\_NGAY\_DTRI>

<KET\_QUA\_DTRI>1</KET\_QUA\_DTRI>

<TINH\_TRANG\_RV>1</TINH\_TRANG\_RV>

<NGAY\_TTOAN>201603010000</NGAY\_TTOAN>

<T\_THUOC>25410</T\_THUOC>

<T\_VTYT></T\_VTYT>

<T\_TONGCHI>182410</T\_TONGCHI>

<T\_BNTT>0</T\_BNTT>

<T\_BHTT>182410</T\_BHTT>

<T\_NGUONKHAC>100</T\_NGUONKHAC>

<T\_NGOAIDS>100</T\_NGOAIDS>

<NAM\_QT>2016</NAM\_QT>

<THANG\_QT>4</THANG\_QT>

<MA\_LOAI\_KCB>1</MA\_LOAI\_KCB>

<MA\_KHOA>K01</MA\_KHOA>

<MA\_CSKCB>82083</MA\_CSKCB>

<MA\_KHUVUC>K1</MA\_KHUVUC>

<MA\_PTTT\_QT></MA\_PTTT\_QT>

<CAN\_NANG>50</CAN\_NANG>

</KHAM\_BENH>

………………………………………………..

<KHAM\_BENH>

<STT>n</STT>

…………………………………………

</KHAM\_BENH>

</KQ\_KT\_LDT>

* Mô tả thông tin thẻ:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên thẻ** | **Kiểu dữ liệu** | **Kích thước tối đa** | **Diễn giải** | **Bắt buộc nhập** |
| 1 | MA\_KQ | Số | 3 | Mã kết quả: 0(Bệnh nhân hợp lệ), 1(Bệnh nhân còn thuốc của lượt điều trị trước) | true |
| 2 | MOTA\_KQ | Chuỗi | 500 | Mô tả kết quả | true |
| 3 | STT | Số | 10 | Từ 1 đến hết trong 1 lần gửi dữ liệu | true |
| 4 | MA\_BN | Chuỗi | 15 | Mã số bệnh nhân quy định tại CSKCB | true |
| 5 | HO\_TEN | Chuỗi | 255 | Họ và tên người bệnhđược để trong thẻ CDATA .  Ví du: <![CDATA[HO\_TEN]]> | true |
| 6 | NGAY\_SINH | Chuỗi | 8 | Ngày sinh ghi trên thẻ gồm 8 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày (nếu không có ngày sinh thì năm sinh: 4 ký tự) | true |
| 7 | GIOI\_TINH | Số | 1 | Giới tính; Mã hóa (1 : Nam; 2 : Nữ) | true |
| 8 | DIA\_CHI | Chuỗi | 500 | Địa chỉ ghi trên thẻ BHYT, trẻ em không có thẻ ghi địa chỉ (xã, huyện, tỉnh) trên giấy tờ thay thếđược để trong thẻ CDATA .  Ví du: <![CDATA[DIA\_CHI]]> | true |
| 9 | MA\_THE | Chuỗi | 15 | Mã thẻ BHYT do cơ quan BHXH cấp (trường hợp chưa có thẻ nhưng vẫn được hưởng quyền lợi BHYT, VD: trẻ em, người ghép tạng,...thì mã theo nguyên tắc: mã đối tượng + mã tỉnh + mã huyện + 000 + số thứ tự đối tượng không có thẻ đến khám trong năm. | true |
| VD: TE1+xx (mã tỉnh)+yy (mã huyện)+000+ zzzzz (số thứ tự trẻ dưới 6 tuổi không có thẻ đến khám trong năm) |
| 10 | MA\_DKBD | Chuỗi | 5 | Mã cơ sở KCB nơi người bệnh đăng ký ban đầu ghi trên thẻ BHYT | true |
| 11 | GT\_THE\_TU | Chuỗi | 8 | Thời điểm thẻ có giá trị gồm 8 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày | true |
| 12 | GT\_THE\_DEN | Chuỗi | 8 | Thời điểm thẻ hết giá trị gồm 8 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày | true |
| 13 | TEN\_BENH | Chuỗi | 255 | Ghi đầy đủ chẩn đoán khi ra việnđược để trong thẻ CDATA .  Ví du: <![CDATA[TEN\_BENH]]> |  |
| 14 | MA\_BENH | Chuỗi | 7 | Mã bệnh chính theo ICD 10 | true |
| 15 | MA\_BENHKHAC | Chuỗi | 255 | Mã bệnh kèm theo theo ICD 10, có nhiều mã ICD được phân cách bằng ký tự chấm phẩy (;) |  |
| 16 | MA\_LYDO\_VVIEN | Số | 1 | Mã hóa đối tượng đến khám BHYT (1 : Đúng tuyến; 2 : Cấp cứu; 3 : Trái tuyến) | true |
| 17 | MA\_NOI\_CHUYEN | Chuỗi | 5 | Mã cơ sở KCB chuyển người bệnh đến (mã do cơ quan BHXH cấp) |  |
| 18 | MA\_TAI\_NAN | Số | 1 | Tai nạn thương tích; Mã hóa tham chiếu bảng 8 (Bảng tai nạn thương tích) |  |
| 19 | NGAY\_VAO | Chuỗi | 12 | Ngày giờ đến khám hoặc nhập viện gồm: 12 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày + 2 ký tự giờ (24 giờ) + 2 ký tự phút | true |
| Ví dụ: ngày 31/03/2015 15:20 được hiển thị là: 201503311520 |
| 20 | NGAY\_RA | Chuỗi | 12 | Ngày giờ ra viện gồm 12 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày + 2 ký tự giờ (24 giờ) + 2 ký tự phút. | true |
| Ví dụ: ngày 05/04/2015 09:20 được hiển thị là: 201504050920 |
| 21 | SO\_NGAY\_DTRI | Số | 3 | Số ngày điều trị thực tế | true |
| 22 | KET\_QUA\_DTRI | Số | 1 | Kết quả điều trị; Mã hóa (1: Khỏi; 2: Đỡ; 3: Không thay đổi; 4: Nặng hơn; 5: Tử vong) |  |
| 23 | TINH\_TRANG\_RV | Số | 1 | Tình trạng ra viện; Mã hóa (1: Ra viện; 2: Chuyển viện; 3: Trốn viện; 4: Xin ra viện) |  |
| 24 | NGAY\_TTOAN | Chuỗi | 8 | Ngày giờ thanh toán gồm 12 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày + 2 ký tự giờ (24 giờ) + 2 ký tự phút | true |
| 25 | MUC\_HUONG | Số | 3 | Ghi mức hưởng tương ứng với quyền lợi được hưởng của người bệnh (trường hợp đúng tuyến ghi 80 hoặc 95 hoặc 100, trái tuyến ghi mức hưởng \* tỷ lệ hưởng tùy theo hạng bệnh viện) | true |
| 26 | T\_THUOC | Số | 15 | Tổng tiền thuốc đã làm tròn số đến đơn vị đồng |  |
| 27 | T\_VTYT | Số | 15 | Tổng tiền vật tư y tế đã làm tròn số đến đơn vị đồng |  |
| 28 | T\_TONGCHI | Số | 15 | Tổng chi phí trong lần/đợt điều trị | true |
| 29 | T\_BNTT | Số | 15 | Số tiền người bệnh thanh toán (bao gồm phần cùng trả và tự trả), định dạng số | true |
| 30 | T\_BHTT | Số | 15 | Số tiền đề nghị BHXH thanh toán | true |
| 31 | T\_NGUONKHAC | Số | 15 | Số tiền người bệnh được các nguồn tài chính khác hỗ trợ | true |
| 32 | T\_NGOAIDS | Số | 15 | Chi phí ngoài định suất | true |
| 33 | NAM\_QT | Số | 4 | Năm đề nghị BHXH thanh toán | true |
| 34 | THANG\_QT | Số | 2 | Tháng đề nghị BHXH thanh toán | true |
| 35 | MA\_LOAI\_KCB | Số | 1 | Mã hóa hình thức KCB (1: Khám bệnh; 2: Điều trị ngoại trú; 3: Điều trị nội trú) | true |
| 36 | MA\_KHOA | Chuỗi | 20 | Nếu bệnh nhân điều trị ở nhiều khoa thì ghi mã khoa tổng kết hồ sơ bệnh án |  |
| 37 | MA\_CSKCB | Chuỗi | 5 | Mã cơ sở KCB nơi điều trị (Mã do cơ quan BHXH cấp) | true |
| 38 | MA\_KHUVUC | Chuỗi | 2 | Ghi mã nơi sinh sống trên thẻ "K1/K2/K3" |  |
| 39 | MA\_PTTT\_QT | Chuỗi | 255 | Mã phẫu thuật thủ thuật Quốc tế theo ICD 9 CM Vol 3 cho phẫu thuật thủ thuật (Triển khai sau khi Bộ Y tế ban hành bảng tham chiếu và có văn bản chỉ đạo. Nếu có nhiều PTTT thì mỗi mã cách nhau bởi dấu chấm phẩy (;) |  |
| 40 | CAN\_NANG | Số | 5 | Chỉ thu thập với các bệnh nhân là trẻ em dưới 1 tuổi. |  |
| Là số kilogam (kg) cân nặng của trẻ em khi vào viện |
| Số thập phân, dấu thập phân là dấu phẩy (,) |
| Ghi đến 2 chữ số sau dấu thập phân (vd: 5,75 là 5,75 kg) |